

Số: **1509** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 937/NQ-UBTVQH15 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày

07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ động giải pháp bảo đảm cung ứng đủ điện phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân trong thời gian cao điểm năm 2025 và giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Kết luận của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 93/TB-VPCP ngày 10 tháng 03 năm 2025 về Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kết luận của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 141/TB-VPCP ngày 30 tháng 3 năm 2025 về hoàn thiện Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công điện số 49/CĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các giải pháp bảo đảm cung ứng điện trong thời gian cao điểm năm 2025 và thời gian tới;

Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ đảng uỷ Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục Điện lực tại Tờ trình số 21/TTr-ĐL ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Tờ trình số 23/TTr-ĐL ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh (gọi tắt là Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điện lực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tổng giám đốc các Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công nghiệp - Năng lượng quốc gia Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Tổng giám đốc Tổng công ty Đông Bắc và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng Bộ Công Thương;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ban chỉ đạo Nhà nước các chương trình, công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng;
- Các Vụ: Dầu khí và Than, Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp;
- Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công;
- Các Tập đoàn: Điện lực Việt Nam, Công nghiệp- Năng lượng quốc gia Việt Nam, Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Tổng công ty Đông Bắc;
- Công ty TNHH MTV vận hành Hệ thống điện và Thị trường điện Quốc gia;
- Lưu VT, ĐL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Nguyễn Hoàng Long





BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh**

*(Kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-BCT
ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Công Thương)*

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2050 (Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII). Xây dựng lộ trình tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án/dự án đáp ứng các mục tiêu đã đề ra của Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, đáp ứng nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ, bảo đảm phát triển điện lực đi trước một bước.

- Xác định các giải pháp thu hút đầu tư phát triển điện lực theo Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII trong thời kỳ quy hoạch.

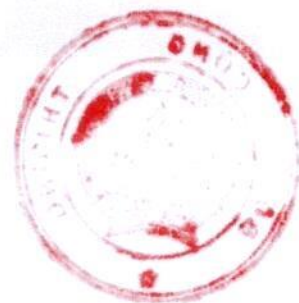
- Đề ra các nhiệm vụ cho các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc phối hợp với Bộ Công Thương và các đơn vị liên quan để thực hiện hiệu quả Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII.

2. Yêu cầu

- Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh phải bám sát quan điểm, mục tiêu, định hướng của Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, cụ thể hóa được các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Xác định cụ thể tiến độ, nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực thực hiện các đề án/dự án xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật; tăng cường năng lực khoa học công nghệ, xây dựng trung tâm nghiên cứu cơ bản, trung tâm phát triển; đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của ngành điện trong thời kỳ quy hoạch.

- Xác định cụ thể tiến độ các dự án nguồn điện, lưới điện theo Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII cho từng địa phương tới năm 2030 và giai đoạn 2031-2035; danh mục các dự án đầu tư công, dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công, dự án sử dụng nguồn vốn xã hội hóa.



- Đảm bảo tính tuân thủ, kế thừa, đồng bộ với các quy hoạch ngành/kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia được duyệt, đảm bảo tính liên kết, thống nhất trong thực hiện.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH ĐIỆN VIII ĐIỀU CHỈNH

1. Danh mục các dự án nguồn điện quan trọng, ưu tiên đầu tư của ngành tới năm 2030 và giai đoạn 2031-2035

- Đến năm 2030, tổng công suất nhiệt điện LNG là 22.524 MW. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 1 Phụ lục II.1.

- Đến năm 2030, tổng công suất nhiệt điện khí trong nước là 14.930 MW. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 6 Phụ lục II.1.

- Đến năm 2030, tổng công suất nhiệt điện than là 31.055 MW. Danh mục các dự án đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 3 Phụ lục II.1.

- Đến năm 2030, tổng công suất nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ là 1.404 MW. Đến năm 2035 tổng công suất nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ là 3.204 MW. Danh mục các dự án cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 5 Phụ lục II.1.

- Tổng công suất thủy điện là 33.294 - 34.667 MW. Danh mục dự án thủy điện vừa và lớn đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 7 Phụ lục II.1. Danh mục các thủy điện có công suất dưới 50 MW đầu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 8 Phụ lục II.1

- Tổng công suất thủy điện tích năng là 2.400 - 6.000 MW. Danh mục dự án đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 9 Phụ lục II.1.

- Tổng công suất điện hạt nhân là 4.000 - 6.400 MW. Danh mục các dự án điện hạt nhân đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 10, Phụ lục II.1.

- Tổng công suất điện gió trên bờ (điện gió trên đất liền và gần bờ) là 26.066 - 38.029 MW. Danh mục các dự án điện gió trên bờ đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 12 và Bảng 13, Phụ lục II.1.

- Năm 2030, tổng công suất điện gió ngoài khơi phục vụ nhu cầu điện trong nước là 6.000 MW. Đến năm 2035, tổng công suất điện gió ngoài khơi phục vụ nhu cầu điện trong nước đạt 17.032 MW. Công suất điện gió ngoài khơi theo vùng tại Bảng 17, Phụ lục II.1.

- Tổng công suất điện mặt trời (gồm điện mặt trời tập trung và điện mặt trời mái nhà, không bao gồm các nguồn điện mặt trời theo khoản 5 Điều 10 Luật Điện lực số 61/2024/QH15) là 46.459 - 73.416 MW. Danh mục các dự án điện mặt trời cần đầu tư xây dựng mới và tiến độ vận hành tại Bảng 14, Phụ lục II.1.

- Tổng công suất điện sinh khối là 1.523 - 2.699 MW. Danh mục các dự án điện sinh khối xây dựng mới tại Bảng 15, Phụ lục II.1.

- Tổng công suất điện sản xuất từ rác, chất thải rắn là 1.441 - 2.137 MW. Danh mục các dự án điện sản xuất từ rác xây dựng mới tại Bảng 16, Phụ lục II.1.

- Đến năm 2030, Tổng công suất pin lưu trữ dự kiến đạt khoảng 10.000 - 16.300 MW. Danh mục dự án đầu tư xây dựng mới tại Bảng 11 Phụ lục II.1. Phát triển điện mặt trời tập trung phải kết hợp với lắp đặt pin lưu trữ với tỷ lệ tối thiểu 10% công suất và tích trong 2 giờ.

2. Các loại hình nguồn điện khác tới năm 2035

- Dự kiến phát triển 2.000-3.000 MW các nguồn điện linh hoạt. Danh mục dự án đầu tư xây dựng mới tại Bảng 19 Phụ lục II.1.

- Đẩy mạnh nhập khẩu điện từ các nước Đông Nam Á (ASEAN) và Tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) có tiềm năng về thủy điện. Quan tâm đầu tư, khai thác các nguồn điện tại nước ngoài để cung ứng điện về Việt Nam. Năm 2030, nhập khẩu khoảng 9.360 - 12.100 MW từ Lào theo Hiệp định giữa hai Chính phủ và tận dụng khả năng nhập khẩu phù hợp với điều kiện đấu nối từ Trung Quốc với quy mô hợp lý. Nếu điều kiện thuận lợi, giá thành hợp lý, có thể tăng thêm quy mô tối đa hoặc đẩy sớm thời gian nhập khẩu điện từ Lào về khu vực miền Bắc.

- Đến năm 2030, tăng quy mô xuất khẩu điện sang Campuchia lên khoảng 400 MW. Dự kiến đến năm 2035, quy mô công suất xuất khẩu điện sang Singapore, Malaysia và các đối tác khác trong khu vực đạt khoảng 5.000 - 10.000 MW và duy trì với quy mô 10.000 MW đến năm 2050, có thể cao hơn tùy theo nhu cầu của bên nhập khẩu trên cơ sở có hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an ninh năng lượng trong nước và an ninh quốc phòng. Danh mục dự án tiềm năng xuất khẩu điện tại Bảng 19 Phụ lục II.1.

- Nguồn điện năng lượng tái tạo phục vụ xuất khẩu, sản xuất năng lượng mới như sau:

+ Những vị trí có tiềm năng xuất khẩu điện ra nước ngoài là khu vực miền Trung và miền Nam. Quy mô xuất khẩu từ 5.000 MW đến 10.000 MW. Bộ Công Thương báo cáo các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định chủ trương xuất khẩu điện và phương án lưới điện đấu nối đồng bộ đối với từng trường hợp cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Sử dụng năng lượng tái tạo để sản xuất các loại năng lượng mới (như hydro xanh, amoniac xanh) phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu: Ưu tiên phát triển tại các khu vực có tiềm năng năng lượng tái tạo tốt, cơ sở hạ tầng lưới điện thuận lợi; quy mô phát triển phấn đấu đạt 15.000 MW (chủ yếu là nguồn điện gió ngoài khơi). Bộ Công Thương báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định với từng dự án cụ thể khi đã cơ bản đánh giá được tính khả thi về công nghệ

và giá thành. Công suất nguồn năng lượng tái tạo để sản xuất năng lượng mới không tính vào cơ cấu nguồn điện cung cấp cho phụ tải hệ thống điện quốc gia.

3. Danh mục các dự án lưới điện truyền tải và liên kết lưới điện khu vực

Danh mục các dự án lưới điện truyền tải quan trọng, ưu tiên đầu tư, lưới điện liên kết với các nước láng giềng nêu tại Phụ lục II.2.

Khối lượng “lưới điện dự phòng phát sinh các đường dây và trạm biến áp” có trong Phụ lục Phụ lục II.2 được phép sử dụng để:

(i) Triển khai các dự án lưới điện truyền tải xây dựng mới hoặc các công trình đầu tư bổ sung mới để nâng cao năng lực lưới điện truyền tải, khả năng điều khiển và vận hành hệ thống điện trong quá trình thực hiện Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, nhưng chưa có danh mục cụ thể tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025.

(ii) Đầu nối đồng bộ các dự án nguồn điện nhập khẩu (từ Lào, Trung Quốc, Campuchia...) vào hệ thống điện Việt Nam.

(iii) Đầu nối đồng bộ hoặc điều chỉnh đầu nối các dự án nguồn điện năng lượng tái tạo (điện gió trên bờ và gần bờ, điện mặt trời, điện sinh khối, điện sản xuất từ rác...) trong Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII với hệ thống điện quốc gia.

Bộ Công Thương xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương triển khai các dự án cụ thể.

4. Chương trình phát triển điện nông thôn, miền núi và hải đảo

(i) Cấp điện lưới quốc gia hoặc các nguồn điện năng lượng tái tạo khoảng 911.400 hộ dân (trong đó, khoảng 160.000 hộ dân chưa có điện, 751.400 hộ dân cần cải tạo) của 14.676 thôn bản trên địa bàn 3.099 xã, trong đó, số xã khu vực biên giới và đặc biệt khó khăn là 1.075 xã (43 tỉnh) thuộc các tỉnh, thành phố Điện Biên, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Bắc Giang, Sơn La, Hòa Bình, Phú Thọ, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Đắk Nông, Đắk Lắk, Bạc Liêu, An Giang, Cần Thơ, Cao Bằng, Lai Châu, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Nghệ An, TP. Huế, Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Lâm Đồng, Bình Thuận, Bình Phước, Tây Ninh, Bến Tre, Trà Vinh, Kiên Giang, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Cà Mau; khu vực còn lại là 2.024 xã;

(ii) Cấp điện 2.478 trạm bơm quy mô vừa và nhỏ (13 tỉnh) khu vực đồng bằng sông Cửu Long thuộc các tỉnh, thành phố Bến Tre, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Hậu Giang, Cà Mau, kết hợp cấp điện cho nhân dân;

(iii) Cấp điện lưới quốc gia hoặc các nguồn điện năng lượng tái tạo cho các đảo còn lại: Đảo Cồn Cỏ tỉnh Quảng Trị; Đảo Thổ Châu, An Sơn - Nam Du tỉnh Kiên Giang; Huyện đảo Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Danh mục các tỉnh/dự án thành phần trong Chương trình nêu tại Phụ lục IV.

5. Kế hoạch phát triển hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ về năng lượng tái tạo

Nghiên cứu xây dựng 02 trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng trong giai đoạn tới năm 2030 như sau:

- Trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo tại Bắc Bộ.
- + Vị trí: Tại khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Bình, ... Trong tương lai có thể xem xét mở rộng ra các khu vực lân cận.
- + Các nhà máy chế tạo thiết bị phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, dịch vụ cảng biển, hậu cần phục vụ xây lắp, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng.
- + Các khu công nghiệp xanh, phát thải các bon thấp.
- + Các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.
- Trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng Nam Trung Bộ - Nam Bộ.
- + Vị trí: Tại khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, ... Trong tương lai có thể xem xét mở rộng ra các khu vực lân cận.
- + Các nhà máy chế tạo thiết bị phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, dịch vụ cảng biển, hậu cần phục vụ xây lắp, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng.
- + Các khu công nghiệp xanh, phát thải các bon thấp.
- + Các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

6. Danh mục các đề án/dự án ưu tiên về hoàn thiện chính sách pháp luật và tăng cường năng lực của ngành điện

Danh mục các đề án/dự án ưu tiên về hoàn thiện chính sách pháp luật và tăng cường năng lực của ngành điện tại các Bảng 1, 2, 3 Phụ lục I.

7. Nhu cầu sử dụng đất tới năm 2030

Nhu cầu đất cho phát triển cơ sở và kết cấu hạ tầng điện lực khoảng 89,9 - 93,36 nghìn ha trong giai đoạn 2021 - 2030 phù hợp với chỉ tiêu phân bổ đất đai trong Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội.

8. Nhu cầu vốn đầu tư tới năm 2030

- Giai đoạn 2025-2030:

+ Vốn đầu tư nguồn điện là: 2.876.397 nghìn tỷ VNĐ (118,2 tỷ USD), trong đó nhà nước đầu tư là 666.779 nghìn tỷ VNĐ (27,4 tỷ USD), xem xét xã hội hóa là 2.209.618 nghìn tỷ VNĐ (90,8 tỷ USD).

+ Vốn đầu tư lưới truyền tải là 440.464 nghìn tỷ VNĐ (18,1 tỷ USD), trong đó nhà nước đầu tư là 313.922 nghìn tỷ VNĐ (12,9 tỷ USD), xem xét xã hội hóa là 126.542 nghìn tỷ VNĐ (5,2 tỷ USD).

- Giai đoạn 2031-2035:

+ Vốn đầu tư nguồn điện là 2.776.624 nghìn tỷ VNĐ (114,1 tỷ USD), trong đó nhà nước đầu tư là 644.878 nghìn tỷ VNĐ (26,5 tỷ USD), xem xét xã hội hóa là 2.131.746 nghìn tỷ VNĐ (87,6 tỷ USD).

+ Vốn đầu tư lưới truyền tải là 386.927 nghìn tỷ VNĐ (15,9 tỷ USD), trong đó nhà nước đầu tư là 289.587 nghìn tỷ VNĐ (11,9 tỷ USD), xem xét xã hội hóa là 97.340 nghìn tỷ VNĐ (4,0 tỷ USD).

Ghi chú: Tỷ giá áp dụng: 24.355 VND/USD ngày 31/12/2024.

9. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

Các giải pháp thực hiện quy hoạch bao gồm 11 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo Phần VI, Điều 1 của Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tài chính

- Phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng các chính sách về giá điện theo cơ chế thị trường.

- Phối hợp với Bộ Công Thương nghiên cứu, xây dựng và ban hành hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế tài chính, cơ chế giá điện, cơ chế khuyến khích để hỗ trợ thực hiện.

2. Các bộ, ngành

Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để triển khai đúng tiến độ các dự án trong Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII; đề xuất cơ chế, chính sách, các giải pháp tháo gỡ vướng mắc để thực hiện hiệu quả các mục tiêu của quy hoạch, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và địa phương.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chỉ đạo các sở, ngành liên quan cập nhật danh mục nguồn và lưới điện được xác định trong quy hoạch này vào quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có tính kỹ thuật, chuyên ngành như quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện để tổ chức không gian làm cơ sở thực hiện đầu tư xây dựng các dự án điện.

- Rà soát, điều chỉnh cập nhật trong quy hoạch tỉnh, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh theo các quy định của pháp luật về quy hoạch, điện lực (nếu có mâu thuẫn với quy hoạch này), trong đó xác định rõ phạm vi nguồn điện, lưới điện trong phương án cấp điện đã được quy định tại Điều 4 và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03/3/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật điện lực về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực, đảm bảo phù hợp với nội dung, quy mô phân bổ

công suất tăng thêm cho các địa phương trong quy hoạch điện VIII và Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII.

- Tổ chức thực hiện việc lựa chọn chủ đầu tư các dự án điện theo thẩm quyền, bố trí quỹ đất cho phát triển các công trình điện theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, di dân, tái định cư cho các dự án nguồn điện, lưới điện theo quy định.

- Chỉ đạo, giám sát chủ đầu tư thực hiện đúng tiến độ các dự án nguồn và lưới điện trên địa bàn, bảo đảm đưa dự án vào vận hành đúng tiến độ theo quy hoạch.

- Phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh theo chức năng, thẩm quyền.

4. Cục Điện lực

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình triển khai các dự án nguồn, lưới điện để đề xuất giải pháp, bảo đảm tiến độ theo Điều chỉnh quy hoạch điện VIII được duyệt, xử lý theo thẩm quyền và quy định đối với các dự án chậm tiến độ.

- Tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch.

5. Vụ Dầu khí và Than

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình cấp nhiên liệu (than, khí) cho sản xuất điện; trường hợp có vấn đề phát sinh, ảnh hưởng đến việc cấp nhiên liệu cho các nhà máy điện, kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ Công Thương để xem xét, chỉ đạo.

- Giám sát, đôn đốc việc đảm bảo tiến độ các công trình hạ tầng tiếp nhận, cung cấp khí cho sản xuất điện (bao gồm cả LNG), dự án kho cảng LNG và ưu tiên đảm bảo nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện.

6. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công

- Chủ trì, phối hợp với Cục Điện lực và Tập đoàn Điện lực Việt Nam tăng cường công tác tuyên truyền tiết kiệm điện và lợi ích của việc thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện và các Chương trình Điều chỉnh phụ tải điện trong phạm vi cả nước.

- Chủ trì xây dựng trình Quốc hội thông qua Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sửa đổi) để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc giảm cường độ sử dụng năng lượng của nền kinh tế, ban hành chế tài và các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc về sử dụng hiệu quả năng lượng, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng của nền kinh tế.

- Nghiên cứu áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn bắt buộc kèm theo chế tài về sử dụng điện hiệu quả đối với những lĩnh vực, ngành có mức tiêu thụ điện cao.

7. Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn cho phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện đầu tư các dự án nguồn điện và lưới điện truyền tải theo nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá cân đối cung - cầu điện, tình trạng vận hành hệ thống điện toàn quốc và khu vực, báo cáo các cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện triệt để các giải pháp đổi mới quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, giảm tổn thất điện năng, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành.

- Chủ động phối hợp địa phương thực hiện cập nhật các dự án công trình điện được giao làm chủ đầu tư vào quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện.

- Tập trung triển khai nhanh, quyết liệt các dự án nguồn và lưới điện được giao làm chủ đầu tư, đặc biệt là các dự án lưới điện phục vụ nhập khẩu điện từ Lào về Việt Nam và lưới điện giải toả công suất các nguồn điện, bảo đảm tiến độ theo quy hoạch được duyệt. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương để tháo gỡ khó khăn trong giải phóng mặt bằng, đấu nối, đầu tư nguồn và lưới điện. Tập đoàn Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm chính nếu các dự án trên chậm tiến độ, không đảm bảo an ninh cung cấp điện.

- Tích cực phối hợp với các địa phương, tập trung mọi nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ các dự án theo Thông báo số 93/TB-VPCP ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ và các dự án thuộc chương trình, công trình dự án quan trọng quốc gia trọng điểm ngành năng lượng ban hành kèm theo Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo tiến độ được duyệt theo quy định; kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về pháp lý trong triển khai dự án (nếu có).

- Chủ động, tích cực hơn nữa trong việc đầu mối phát triển các dự án điện gió, điện gió ngoài khơi, điện khí và các loại hình nguồn điện khác khi có điều kiện, cơ hội.

8. Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam

- Tăng cường tìm kiếm, thăm dò và khai thác các nguồn khí trong nước để cung cấp cho phát điện, phù hợp với nhu cầu phụ tải điện. Triển khai nhanh, có hiệu quả các mỏ khí Lô B, Cá Voi Xanh, Kèn Bầu... theo tiến độ được duyệt.

- Thực hiện các giải pháp xây dựng cơ sở hạ tầng kho, cảng, kết nối hệ thống khí trong nước và khu vực phục vụ nhập khẩu khí thiên nhiên và LNG để đảm bảo nguồn khí cho các nhà máy điện.

- Thực hiện đúng tiến độ các dự án nguồn điện được giao.

- Chủ động, tích cực hơn nữa trong việc đầu mối phát triển các dự án điện gió, điện gió ngoài khơi, điện khí và các loại hình nguồn điện khác khi có điều kiện, cơ hội.

9. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc

- Giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp than cho sản xuất điện phù hợp với lộ trình chuyển dịch năng lượng. Trước mắt nâng cao năng lực sản xuất than trong nước, kết hợp với nhập khẩu than để cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy điện.

- Đầu tư các dự án nguồn điện theo nhiệm vụ được giao.



Phụ lục I
DANH MỤC CÁC ĐỀ ÁN/DỰ ÁN ƯU TIÊN VỀ HOÀN THIỆN
CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC
CỦA NGÀNH ĐIỆN

*(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT
ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Công Thương)*

Bảng 1: Các Đề án/dự án xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật

TT	Đề án/dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2025-2030	2031-2035
1	Xây dựng Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (sửa đổi)	x	
2	Hoàn thiện cơ chế mua bán điện trực tiếp	x	
3	Xây dựng cơ chế về ứng dụng khoa học, công nghệ và phát triển công nghiệp chế tạo trong lĩnh vực điện lực	x	
4	Xây dựng cơ chế phát triển thị trường tín chỉ các-bon	x	

Bảng 2: Các Đề án/dự án tăng cường năng lực khoa học công nghệ, xây dựng trung tâm nghiên cứu cơ bản, trung tâm phát triển

TT	Đề án/dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2025-2030	2031-2035
1	Trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ năng lượng tái tạo, năng lượng mới	x	x
2	Trung tâm nghiên cứu năng lượng và biến đổi khí hậu	x	x
3	Trung tâm nghiên cứu phát triển điện hạt nhân	x	x
4	Đề án hình thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng	x	x

Bảng 3: Các Đề án/dự án đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

TT	Đề án/dự án	Giai đoạn thực hiện	
		2025-2030	2031-2035
1	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ HVDC, các công nghệ lưới điện thông minh	x	x
2	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ hydro và các loại hình năng lượng mới	x	x
3	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ điện gió ngoài khơi	x	x
4	Đào tạo nhân lực chuyên sâu về công nghệ điện hạt nhân	x	x
5	Các chương trình trao đổi kinh nghiệm quốc tế về lập quy hoạch năng lượng, vận hành hệ thống điện	x	x
6	Nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và chuyển dịch năng lượng	x	x



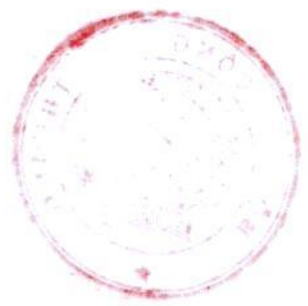


Phụ lục II
DANH MỤC VÀ TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN NGUỒN, LƯỚI ĐIỆN
QUAN TRỌNG QUỐC GIA, DỰ ÁN ƯU TIÊN CỦA NGÀNH ĐIỆN

Phụ lục II.1
DANH MỤC VÀ TIẾN ĐỘ DỰ KIẾN CÁC DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN
QUAN TRỌNG QUỐC GIA, DỰ ÁN ƯU TIÊN CỦA NGÀNH

Bảng 1: Danh mục các nhà máy nhiệt điện LNG

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	LNG Quảng Ninh	1500	2028-2029	
2	LNG Thái Bình	1500	2028	
3	LNG Quảng Trạch II	1500	2028	
4	LNG Hải Lăng giai đoạn 1	1500	2028-2029	
5	NMĐ Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	1624	2025	
6	LNG Hiệp Phước giai đoạn I	1200	2028	
7	LNG Long An I	1500	2028-2029	
8	NMĐ BOT Sơn Mỹ I(*)	2250	2028	
9	NMĐ BOT Sơn Mỹ II(*)	2250	2028	
10	LNG Bạc Liêu (*)	3200	2025-2030	
11	LNG Nghi Sơn (*)	1500	2028	
12	LNG Cà Ná (*)	1500	2028	
13	LNG Quỳnh Lập (*)	1500	2028	
14	LNG Hải Phòng giai đoạn I	1600	2030	Theo cam kết của UBND TP Hải Phòng tại Văn bản số 583/UBND-UBND-XD2 ngày 26/3/2025
15	LNG Hiệp Phước giai đoạn II	1500	2025-2030	Theo cam kết của UBND TP Hồ Chí Minh tại Văn bản số 1945/UBND-KT ngày 27/3/2025
16	LNG Long Sơn (*)	1500	2031-2035	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đề xuất, có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 theo nhu cầu của hệ thống điện.
17	LNG Long An II	1500	2031	
18	LNG Công Thanh (**)	1500	2031-2035	UBND tỉnh Thanh Hoá kiến nghị chuyển đổi nhiên liệu dự án NĐ than Công Thanh sang LNG. Văn bản số 5473/VPCP-CN ngày 31/7/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển đổi nhiên liệu từ than sang



TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
				LNG đối với dự án nhiệt điện Công Thanh, tỉnh Thanh Hóa. Có thể đẩy sớm lên giai đoạn 2026-2030 theo nhu cầu của hệ thống điện.
19	LNG Hải Phòng giai đoạn II (**)	3200	2031-2035	Theo cam kết của UBND TP Hải Phòng tại Văn bản số 583/UBND-UBND-XD2 ngày 26/3/2025, có thể đẩy sớm tiến độ sang giai đoạn 2025-2030 theo nhu cầu của hệ thống điện.
20	LNG Vũng Áng III (**)	1500	2031-2032	
21	LNG Quảng Trạch III (**)	1500	2031-2035	

Ghi chú:

- Công suất đặt của các nhà máy điện có thể dao động trong phạm vi $\pm 15\%$ và sẽ được chuẩn xác, phù hợp với gam công suất của tổ máy trong Kế hoạch thực hiện quy hoạch, giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

(*): Các dự án cần có giải pháp để bảo đảm tiến độ vận hành theo quy hoạch được duyệt.

(**): Các dự án phát triển mới giai đoạn 2031-2035 phục vụ cấp điện khu vực miền Bắc.

Bảng 2: Danh mục các nhà máy nhiệt điện LNG dự phòng phát triển

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	LNG Quảng Ninh 2	1500	2031-2035	Các dự án dự phòng phát triển giai đoạn 2031-2035 và chỉ được triển khai khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận để bù đắp các nguồn điện khác trong khu vực chậm tiến độ hoặc phụ tải tăng đột biến
2	LNG Thái Bình giai đoạn 2	1500	2031-2035	
3	LNG Hoà Ninh giai đoạn I	1500	2031-2035	
4	LNG Thanh Hóa	1500	2031-2035	
5	Mở rộng Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1&2	1500	2031-2035	

Bảng 3: Danh mục các nhà máy nhiệt điện than đang xây dựng

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	NMNĐ Na Dương II	110	2026	
2	NMNĐ An Khánh - Bắc Giang	650	2027	
3	NMNĐ Vũng Áng II	1330	2025	
4	NMNĐ Quảng Trạch I	1403	2025	
5	NMNĐ Long Phú I	1200	2026	

Bảng 4: Danh mục các nhà máy nhiệt điện than đang gặp khó khăn trong triển khai

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	NMNĐ Nam Định I	1200	2025-2030	
2	NMNĐ Quảng Trị	1320	2025-2030	Nhà đầu tư đã xin dừng dự án (theo Văn bản EGATi 277/2023)
3	NMNĐ Vĩnh Tân III	1980	2025-2030	
4	NMNĐ Sông Hậu II	2120	2025-2030	Bộ Công Thương đã chấm dứt Hợp đồng BOT của Dự án tại Văn bản 4579/BCT-ĐL ngày 01/7/2024

Bảng 5: Danh mục nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ trong các cơ sở công nghiệp

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	NĐ đồng phát Hải Hà 1	300	2030	CĐT lập FS dự án thành phần 50 MW
2	NĐ đồng phát Đức Giang	100	2025-2030	UBND tỉnh Lào Cai có Văn bản số 40/UBND-KT ngày 03 tháng 01 năm 2025 trong đó cho biết CĐT đã có văn bản đề nghị “bỏ” dự án.

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
3	Formosa HT2	650	2029	
4	NĐ khí dư Hòa Phát II	300	2027	Đang xây dựng
5	Nhà máy nhiệt điện thuộc dự án: Nhà máy Bột - Giấy VNT19	54	2026-2027	Theo văn bản số 1432/UBND-KTN ngày 18/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi
6	NĐ đồng phát Hải Hà 2	600	2035	
7	NĐ đồng phát Hải Hà 3	600	2035	
8	NĐ đồng phát Hải Hà 4	600	2035	
9	Các dự án khác	Ưu tiên, khuyến khích phát triển loại hình này để sản xuất điện nhằm tăng hiệu quả sử dụng năng lượng. Tổng công suất loại hình này được phát triển không giới hạn phù hợp với nhu cầu sử dụng và tiềm năng của các cơ sở công nghiệp.		

Bảng 6: Danh mục các nhà máy nhiệt điện khí trong nước

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	Nhiệt điện Ô Môn I (*)	660	2025-2030	Sử dụng khí Lô B
2	NMNĐ Ô Môn II	1050	2027-2028	
3	NMNĐ Ô Môn III	1050	2028-2030	
4	NMNĐ Ô Môn IV	1050	2028	
5	TBKHH Dung Quất I	750	2030	Sử dụng khí Cá Voi Xanh, đồng bộ với tiến độ phía thượng nguồn thuộc chuỗi dự án khí - điện Cá Voi Xanh.
6	TBKHH Dung Quất II	750	2030	
7	TBKHH Dung Quất III	750	2030	
8	TBKHH Miền Trung I	750	2025-2030	
9	TBKHH Miền Trung II	750	2025-2030	
10	TBKHH Quảng Trị	340	2025-2030	Sử dụng khí mỏ Báo Vàng, đồng bộ với tiến độ phía thượng nguồn.

Ghi chú:

- Công suất đặt của các nhà máy điện có thể dao động trong phạm vi $\pm 15\%$ và sẽ được chuẩn xác, phù hợp với gam công suất của tổ máy trong Kế hoạch thực hiện quy hoạch, giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

(*) Nhà máy điện hiện có chuyển sang sử dụng khí Lô B.

Bảng 7: Danh mục các nguồn thủy điện lớn

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Tỉnh	Ghi chú
I	Công suất tăng thêm 2025 - 2030	2,958			
1	TĐ Long Tạo	44	2021-2024	Điện Biên	Đã vận hành
2	TĐ Sông Lô 6	60	2021-2024	Tuyên Quang, Hà Giang	Đã vận hành
3	TĐ Sông Lô 7	36	2021-2024	Tuyên Quang	Đã vận hành
4	TĐ Pắc Ma	160	2021-2024	Lai Châu	Đã vận hành
5	TĐ Suối Sập 2A	49.6	2021-2024	Sơn La	Đã vận hành
6	TĐ Đắc Mi 2	147	2021-2024	Quảng Nam	Đã vận hành
7	TĐ Sông Tranh 4	48	2021-2024	Quảng Nam	Đã vận hành
8	TĐ Thượng Kon Tum	220	2021-2024	Kon Tum	Đã vận hành
9	TĐ Phú Tân 2	93	2021-2024	Đồng Nai	Đã vận hành
10	TĐ Hòa Bình MR	480	2025	Hòa Bình	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
11	TĐ Yên Sơn	90	2025-2030	Tuyên Quang	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
12	TĐ Nậm Cùm 1,4,5	100.8	2025-2030	Lai Châu	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII; Nậm Cùm 5 đề nghị điều chỉnh từ 10 MW lên 15 MW.
13	TĐ Nậm Cùm 2,3,6	83	2025-2030	Lai Châu	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII; Nậm Cùm 6 đề nghị điều chỉnh từ 7 MW lên 10,5 MW
14	TĐ Hồi Xuân	102	2027	Thanh Hóa	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
15	TĐ Mỹ Lý	120	2029-2030	Nghệ An	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
16	TĐ Nậm Mô 1 (Việt Nam)	51	2029-2030	Nghệ An	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
17	TĐ Ialy MR	360	2025-2030	Gia Lai	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
18	TĐ Đắc Mi 1	84	2025-2030	Kon Tum	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
19	TĐ Trị An MR	200	2027	Đồng Nai	Đã phê duyệt trong QHĐ VIII
20	TĐ Sông Lô 9	87	2025-2030	Tuyên Quang	UBND tỉnh Tuyên Quang đề xuất tại Văn bản số 15/SCT-QLNL ngày 03/01/2025.
21	TĐ Tuyên Quang MR	120	2025-2030	Tuyên Quang	UBND tỉnh Tuyên Quang đề xuất tại Văn bản số 15/SCT-QLNL ngày 03/01/2025.
22	TĐ Sê San 3 MR	130	2025-2030	Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai đề xuất tại Văn bản số 17/UBND-CN XD ngày 05/01/2025.
23	TĐ Sê San 4 MR	120	2025-2030	Gia Lai	UBND tỉnh Gia Lai đề xuất tại Văn bản số 17/UBND-CN XD ngày 05/01/2025.
24	TĐ Bàn Chát MR	110	2025-2030	Lai Châu	
25	TĐ Đa Nhim MR (Giai đoạn 2)	80	2025-2030	Ninh Thuận	
26	TĐ Srêpôk 3 MR	110	2025-2028	Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk đề xuất tại Văn bản số 2285/UBND-CN XD ngày 11/3/2025.

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Tỉnh	Ghi chú
27	TĐ Buôn Kuốp MR	140	2025-2028	Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk đề xuất tại Văn bản số 2285/UBND-CN XD ngày 11/3/2025.
28	TĐ Việt Thành	55	2030	Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái đề xuất tại Văn bản số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025.
29	TĐ An Bình	65	2030	Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái đề xuất tại Văn bản số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025.
30	TĐ An Thịnh	70	2030	Yên Bái	UBND tỉnh Yên Bái đề xuất tại Văn bản số 27/UBND-CN ngày 04/01/2025.
31	TĐ Bảo Hà	75	2025-2030	Lào Cai	UBND tỉnh Lào Cai đề xuất tại Văn bản số 40/UBND-KT ngày 03/01/2025.
32	TĐ Thái Niên	75	2025-2030	Lào Cai	UBND tỉnh Lào Cai đề xuất tại Văn bản số 40/UBND-KT ngày 03/01/2025.
33	TĐ Suối Hưng	50	2027	Hoà Bình	Văn bản số 338/UBND-KTN ngày 05/3/2025 của UBND tỉnh Hoà Bình.
II	Công suất tăng thêm 2031-2035	2,049	2031-2035		
1	TĐ Sơn La MR	800	2031-2035	Sơn La	
2	TĐ Lai Châu MR	400	2031-2035	Lai Châu	
3	TĐ Huội Quảng MR	260	2031-2035	Sơn La	
4	TĐ Sê San 3A MR	54	2031-2035	Kon Tum	UBND tỉnh Kon Tum đề xuất tại Văn bản số 11/BC-UBND ngày 13/01/2025.
5	TĐ Thuận Mỹ	250	2031-2035	TP. Hà Nội	TP. Hà Nội đề xuất tại Văn bản số 536/SCT-QLNL ngày 05/02/2025
6	TĐ Trung Sơn MR	130	2031-2035	Thanh Hóa	Văn bản số 2930/UBND-CN XDKH ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Thanh Hoá.
7	TĐ A Vương MR	105	2031-2035	Quảng Nam	UBND tỉnh Quảng Nam đề xuất tại Văn bản số 1827/UBND-KT ngày 07/3/2025
8	TĐ Đạ Kho	50	2031-2035	Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng đề xuất tại Văn bản số 23/SCT-QLCN ngày 04/1/2025.
9	TĐ Đắk R'lấp 1 (*)	53	2031-2035	Đắk Nông, Lâm Đồng	UBND tỉnh Đắk Nông đề xuất tại Văn bản số 1428/UBND-TH ngày 11/3/2025
10	TĐ Đắk R'lấp 2 (*)	68	2031-2035	Đắk Nông, Lâm Đồng	UBND tỉnh Đắk Nông đề xuất tại Văn bản số 1428/UBND-TH ngày 11/3/2025
11	TĐ Đắk R'lấp 3 (*)	82	2031-2035	Đắk Nông, Bình Phước	

Ghi chú:

(*) Các dự án tiềm năng đã được phê duyệt theo Quyết định số 500/QĐ-TTg, cần được xem xét, đánh giá kỹ các tác động về môi trường, đất đai và ảnh hưởng đến rừng của dự án.

**Bảng 8: Danh mục các thủy điện có công suất
dưới 50 MW đầu nối ở cấp điện áp 220 kV trở lên**

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Tỉnh	Ghi chú
I	Công suất tăng thêm 2025-2030	132,2			
1	TĐ Sê San 4A MR	29	2029	Gia Lai	Văn bản số 538/UBND-CN XD ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Gia Lai (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
2	TĐ Mường Lát	45	2030	Thanh Hóa	Văn bản số 2930/UBND-CN XD KH ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
3	TĐ Đồng Văn (nâng công suất)	29,8	2025-2026	Nghệ An	Tỉnh Nghệ An đề xuất nâng công suất từ 28 MW lên 29,8 MW (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
4	Dự án sử dụng hiệu quả nguồn nước TĐ Sông Ba Hạ	18	2027-2028	Phú Yên	EVN đề xuất tại Văn bản số 862/EVN-KH ngày 11/02/2025 (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
5	TĐ Sông Bồ	26	2026	TP. Huế	TP. Huế đề xuất nâng công suất từ 23,6 MW (đã vận hành) lên 26 MW (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
6	TĐ Cẩm Sơn	36	2029-2030	Nghệ An	Văn bản số 1673/UBND-KTN ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Nghệ An (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
7	TĐ Thông Thụ	28	2029-2030	Nghệ An	Văn bản số 1673/UBND-KTN ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Nghệ An (ĐZ 220 kV đầu chuyển tiếp vào ĐZ 220 kV Nậm Sum - Nông Cống)
8	TĐ Thái An MR	41	2030	Hà Giang	Văn bản số 300/SCT-QLNL ngày 07/3/2025 của Sở Công Thương Hà Giang
9	TĐ Đa R'Sal	42	2025-2030	Lâm Đồng	UBND tỉnh Lâm Đồng đề xuất tại Văn bản số 2237/UBND-MT ngày 07/3/2025
10	TĐ Bản Ngà	24	2025-2030	Cao Bằng	Theo Quyết định số 262/QĐ-TTg. Cao Bằng đề xuất tại Văn bản số 629/UBND-CN ngày 07/3/2025. ĐZ 220 kV TĐ Bản Ngà - rẽ TĐ Nho Quế 3 - Cao Bằng
II	Công suất tăng thêm 2031-2035	60			
1	TĐ Sê San 5	30	2033	Gia Lai	Văn bản số 538/UBND-CN XD ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Gia Lai (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)
2	TĐ Thủy điện Sông Ba Hạ MR	30	2032-2033	Phú Yên	Văn bản số 1408/UBND-ĐTKT ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (đầu nối đồng bộ với cấp điện áp 220 kV)

Bảng 9: Danh mục các thủy điện tích năng

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Tỉnh	Ghi chú
1	TĐTN Bắc Ái	1200	2028-2029	Ninh Thuận	Đã có trong QHĐ VIII
2	TĐTN Phước Hòa	1200	2029-2030	Ninh Thuận	Đã có trong QHĐ VIII
3	TĐTN Đông Phú Yên	900	2025-2030	Sơn La	Đã có trong QHĐ VIII, điều chỉnh giai đoạn vận hành
4	TĐTN Đơn Dương #1	300	2025-2030	Lâm Đồng	Đã có trong QHĐ VIII, điều chỉnh giai đoạn vận hành
	TĐTN tăng thêm (*)	7.072	2025-2035		
1	TĐTN Sìn Hồ GĐ 1	300	2030	Lai Châu	Văn bản số 961/UBND-KTN ngày 07/3/2025
2	TĐTN Sìn Hồ GĐ 2	400	2032	Lai Châu	Văn bản số 961/UBND-KTN ngày 07/3/2025
3	TĐTN Điện Biên 3 GĐ 1	400	2025-2030	Điện Biên	Văn bản số 837/UBND-KT ngày 07/3/2025
4	TĐTN Điện Biên 3 GĐ 2	400	2031-2035	Điện Biên	Văn bản số 837/UBND-KT ngày 07/3/2025
5	TĐTN Đông Phú Yên	300	2031-2035	Sơn La	Văn bản số 937/UBND-KTN ngày 07/3/2025
6	TĐTN Cẩm Sơn 1	300	2030	Bắc Giang	Văn bản số 1213/UBND-KTTH ngày 08/3/2025
7	TĐTN Cẩm Sơn 2	300	2035	Bắc Giang	Văn bản số 1213/UBND-KTTH ngày 08/3/2025
8	TĐTN Sông Mực - Đồng Lớn	110	2030	Thanh Hoá	Văn bản số 2930/UBND-CNXXDKH ngày 07/3/2025
9	TĐTN Yên Mỹ - Bồng Bồng	16,5	2030	Thanh Hoá	Văn bản số 2930/UBND-CNXXDKH ngày 07/3/2025
10	TĐTN Kim Sơn - Thượng Sông Trí	530	2028	Hà Tĩnh	Văn bản số 1200/UBND-KT2 ngày 05/3/2025
11	TĐTN Kê Gồ - Bộc Nguyên	174,5	2028	Hà Tĩnh	Văn bản số 1200/UBND-KT2 ngày 05/3/2025
12	TĐTN Cam Lộ	246	2025-2030	Quảng Trị	Văn bản số 854/UBND-KT ngày 07/3/2025
13	TĐTN Cam Lộ GĐ 2	1200	2031-2035	Quảng Trị	Văn bản số 854/UBND-KT ngày 07/3/2025
14	TĐTN Đà Nẵng GĐ 1	595	2031-2035	Đà Nẵng	Văn bản số 1316/UBND-SCT ngày 07/3/2025
15	TĐTN A Vương	300	2025-2030	Quảng Nam	Văn bản số 1827/UBND-KT ngày 07/3/2025
16	TĐTN Ba Tơ GĐ 1	300	2030	Quảng Ngãi	Văn bản số 1230/UBND-KTN ngày 07/3/2025
17	TĐTN Vĩnh Thạnh	600	2031-2032	Bình Định	Văn bản số 1799/UBND-KT ngày 07/3/2025
18	TĐTN Đơn Dương #2,3 (**)	600	2031-2035	Lâm Đồng	Văn bản số 2237/UBND-MT ngày 07/3/2025

Ghi chú:

(*) Các dự án được xác định trên cơ sở xét theo thứ tự ưu tiên đối với danh mục đề xuất của các địa phương. Có thể xem xét phát triển với quy mô lớn hơn tùy thuộc vào nhu cầu của hệ thống điện.

(**): Tổng quy mô dự án là 1.200 MW.

Bảng 10: Danh mục dự kiến các nguồn điện hạt nhân (MW)

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1	2.000 - 3.200	2030-2035	Nhà nước đầu tư
2	Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2	2.000 - 3.200	2030-2035	Nhà nước đầu tư

Bảng 11: Danh mục dự kiến các dự án pin lưu trữ (MW)

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Ghi chú
1	Dự án pin lưu trữ 50 MW	50	2025-2030	Dung lượng MWh sẽ được chuẩn xác trong quá trình triển khai
2	Dự án pin lưu trữ 7 MW tích hợp vào trang trại ĐMT 50 MW	7	2026	
3	Dự án pin lưu trữ 105 MW tích hợp vào trang trại ĐMT 400 MW	105	2025-2030	
4	Các dự án pin lưu trữ khác	138	2025-2030	
5	Lắp đặt hệ thống BESS tại NMĐMT Krông Pa	7	2026	Đầu nối trung áp
6	Lắp đặt hệ thống BESS tại NMĐMT Krông Pa 2	7	2028	
7	Dự án Hệ thống pin lưu trữ năng lượng BESS NMĐG Hải Anh	4	2025-2030	Đầu nối nội bộ nhà máy
8	Pin lưu trữ tăng thêm	Khoảng 20.287	2025-2035	Các dự án điện mặt trời tập trung phải lắp pin lưu trữ với công suất tối thiểu bằng 10% công suất đặt của dự án, tích trong 2 giờ; phần công suất pin tích năng còn lại được lắp đặt trên hệ thống điện phụ thuộc vào nhu cầu vận hành

Bảng 12: Danh mục dự kiến các dự án điện gió trên bờ và gần bờ đã được phê duyệt trong Quy hoạch điện VIII, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Điện Biên	300			
1	Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	175	2026-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đầu nối từ TBA NMDG BCG Điện Biên 1 về trạm 220kV Điện Biên	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ	125	2026-2030	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nậm Pồ - Lai Châu về trạm biến áp 500kV Lai Châu	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Bắc Kạn	400			
1	Nhà máy điện gió Thiên Long Ngân Sơn	130	2029	ĐZ 220kV mạch đơn từ trạm 220kV NMDG Thiên Long - Ngân Sơn về thanh cái 220kV tại TBA 220kV Bắc Kạn	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Ngân Sơn	150	2029		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Thiên Long Chợ Mới	120	2028	ĐZ 220kV mạch kép từ trạm 220kV NMDG Thiên Long - Chợ Mới chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Bắc Kạn - Thái Nguyên	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Yên Bái	200			
1	Nhà máy điện gió Nậm Búng	200	2028	ĐZ 220kV hai mạch đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Bắc Giang	470			
1	Nhà máy điện gió Bắc Giang 1	55	2028	ĐZ 110 kV mạch đơn đầu nối về thanh cái 110kV mở rộng của TBA 110kV Bắc Lũng	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Bắc Giang 2	55	2028	ĐZ 110 kV đầu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110 kV Sơn Động - TBA 220 kV Sơn Động	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Cẩm Lý	55	2030	ĐZ 110kV mạch đơn đầu nối về trạm biến áp 110kV Bắc Lũng	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Gió Tân Sơn	50	2030	ĐZ 110 kV mạch đơn đầu nối về TBA 110kV Lục Ngạn	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió SD Sơn Động	105	2027	ĐZ 110kV mạch kép đầu nối vào TBA 110kV Sơn Động	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Yên Dũng	150	2029	ĐZ 110kV mạch kép đầu nối vào TBA 110kV Sơn Động	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Lạng Sơn	1414			

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
1	Nhà máy điện gió Ái Quốc	100	2029	ĐZ 220 kV mạch kép đấu transit vào ĐZ 220 kV Lạng Sơn 1 - Đồng Mô	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Bình Gia	80	2027	ĐZ 110kV mạch kép NMDG Bình Gia đấu nối transit vào ĐZ 110kV Lạng Sơn - Bình Gia	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Cao Lộc	55	2027	ĐZ 110kV mạch đơn đấu về TBA 110kV Cao Lộc	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Cao Lộc 3	69	2028	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối TBA NMDG Cao Lộc 3 vào TBA 220 kV Lạng Sơn	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Chi Lăng	100	2028	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Lạng Sơn 1 - Đồng Mô	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1	50	2028	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Lạng Sơn - Bắc Giang	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1.1	50	2028	Lắp thêm 01 máy biến áp 33/220kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMDG Cao Lộc 1 để đấu nối NMDG Cao Lộc 1.1.	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Đình Lập	100	2029	Xây dựng TBA220kV và đường dây 220kV mạch đơn đấu nối về Thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Đình Lập 1	50	2028	ĐZ 110 kV mạch kép từ trạm biến áp 110 kV Đình Lập 1 đấu nối vào thanh cái 110kV của trạm biến áp 220 kV Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Đình Lập 1.1	50	2028	Lắp thêm 01 máy biến áp 110kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 110kV NMDG Đình Lập 1 để đấu nối NMDG Đình Lập 1.1	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Đình Lập 4	90	2028	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối TBA NMDG Đình Lập 4 vào thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió Đình Lập 5	100	2027	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối TBA NMDG Đình Lập 5 vào thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
13	Nhà máy điện gió Văn Quan 1	50	2029	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 110 kV TBA 220 kV Lạng Sơn - Bình Gia	QĐ 262/QĐ-TTg
14	Nhà máy điện gió Hữu Kiển	90	2029	ĐZ 220kV mạch kép từ NMDG Hữu Kiển đến đầu nối vào TBA 220kV NMDG Chi Lăng	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
15	Nhà máy điện gió Lộc Bình	60	2028	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Lạng Sơn 1 - Đồng Mỏ	QĐ 262/QĐ-TTg
16	Nhà máy điện gió Lộc Bình - Pharbaco	50	2028	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối vào TBA 220kV NMDG Cao Lộc 1	QĐ 262/QĐ-TTg
17	Nhà máy điện gió Lộc Bình 1	50	2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối vào thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
18	Nhà máy điện gió Lộc Bình 3	60	2028	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 220kV TBA Lạng Sơn 1	QĐ 262/QĐ-TTg
19	Nhà máy điện gió Thăng Long 3	50	2028	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 220kV TBA 220kV Đồng Mỏ	QĐ 262/QĐ-TTg
20	Nhà máy điện gió Văn Lãng 1	80	2027	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 110kV TBA 220kV Lạng Sơn	QĐ 262/QĐ-TTg
21	Nhà máy điện gió Văn Quan	30	2027	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ trạm 110kV Lạng Sơn - trạm 110kV Đồng Mỏ	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Quảng Ninh	370			
1	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 1	100	2028	ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy đến trạm 220kV Quảng Ninh 1	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 2	70	2030	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào trạm 110kV Vân Đồn 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 3	50	2027	ĐZ 110kV mạch đơn NMDG Quảng Ninh 3 - TBA 220kV Hải Hà hoặc XDM ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy đến TBA 220kV Hải Hà hoặc XDM ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy đến TBA 220kV Cộng Hòa	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 4	50	2027	ĐZ 110kV mạch đơn NMDG Quảng Ninh 4 - trạm 110kV Cô Tô	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 5	100	2028	ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy đi TBA 220kV Móng Cái.	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Thái Bình	70			

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
1	Nhà máy điện gió Tiên Hải - Thái Bình	70	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Thái Nguyên	100			
1	Nhà máy điện gió BPC Võ Nhai	100	2028	ĐZ 110 kV đấu nối vào trạm 110kV Võ Nhai	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Sơn La	400			
1	Nhà máy điện gió Tà Xùa - Bắc Yên	72	2029	ĐZ 220 kV Nhà máy điện gió Tà Xùa - Bắc Yên - NMDG Hồng Ngải - Bắc Yên	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Hồng Ngải - Bắc Yên	108	2029	ĐZ 220 kV NMDG Hồng Ngải - Bắc Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Phù Yên	70	2030	ĐZ 110kV mạch đơn đầu nối về trạm 220kV HATACO Bắc Yên	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Risen Phù Yên	80	2030	ĐZ 220 kV NMDG Risen Phù Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Thiên Vũ Bắc Yên	70	2030	ĐZ 220 kV NMDG Thiên Vũ Bắc Yên - Rẽ Sơn La - Việt Trì	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Thanh Hóa	300			
1	Nhà máy điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn	100	2029	ĐZ 220kV NMDG Bắc Phương - Nghi Sơn - rẽ 220kV Nông Công - 220kV Nghi Sơn	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Mường Lát	200	2030	ĐZ 220kV NMDG Mường Lát - 220kV TĐ Trung Sơn	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Nghệ An	70			
1	Nhà máy điện gió Nam Đàn - giai đoạn 1	70	2028-2029	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đô Lương - Hưng Đông	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Hà Tĩnh	700			
1	Trang trại phong điện HBRE Hà Tĩnh	120	2026	ĐZ 110kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 110kV Kỳ Anh - Vũng Áng	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên 1	70	2027-2030	Đường dây 220kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 500/220kV Hà Tĩnh - 220kV NB Vũng Áng	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Kỳ Khang - giai đoạn 1	60	2028-2030	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
4	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên 2	100	2027-2030	Đường dây 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 500/220kV Hà Tĩnh - 220kV NĐ Vũng Áng hoặc 500/220kV Hà Tĩnh - 220kV NĐ Formosa	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Kỳ Anh DT2, DT3	99	2028-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh	QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên - giai đoạn 1 (phần trên đất liền)	84	2028-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh	QĐ 1682/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Kỳ Nam	167	2029-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Đồng Hới	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Quảng Bình	520			
1	Nhà máy điện gió Ngự Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu (điện gió gần bờ)	80	2028	ĐZ 220kV mạch kép ĐG Ngự Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu đầu nối về TBA 220kV Lệ Thủy hoặc XD ĐZ 220kV mạch kép từ NMDG Ngự Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu đến TBA 220kV Quảng Bình 1	QĐ 1682/QĐ-TTg,
2	Nhà máy điện gió Thái Dương 1 (điện gió gần bờ)	80	2029	ĐZ 220 kV mạch đơn đầu nối vào thanh cái 220kV TBA 220kV Ba Đồn	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Cụm Nhà máy điện gió Hải Ninh (điện gió gần bờ)	80	2028	ĐZ220kV mạch kép đến TBA 220kV Đồng Hới hoặc ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy ĐG Hải Ninh đến TBA 220kV Quảng Bình 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Hal Com Hồng Đức (điện gió gần bờ)	80	2027	Đầu nối chuyển tiếp vào ĐZ 220kV Đồng Hới - Đồng Hà mạch 2 qua Trạm cắt 220kV. Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMDG Hồng Đức Halcom đi Trạm cắt 220kV. Xây dựng mới Trạm cắt 220kV đầu nối tiếp vào ĐZ 220kV Đồng Hới - Đồng Hà mạch 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Phúc Lộc Thọ (điện gió gần bờ)	80	2027	Xây dựng TBA 35/500kV với tổng công suất 900MVA tại NMDG Phúc Lộc Thọ; Xây dựng ĐZ mạch đơn 500kV từ NMDG gió Phúc Lộc Thọ đầu nối về thanh cái 500kV NĐ Quảng Trạch	QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Trang trại điện gió Quảng Bình 2	30	2029	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ba Đồn - NĐ Formosa	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
7	Nhà máy điện gió Thanh Sơn (gồm Thanh Sơn 1 và Thanh Sơn 2)	30	2027	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đồng Hới - Ba Đồn - Formosa	QĐ 1682/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Lệ Thủy 3	30	2030	ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy Lệ Thủy 3 đấu vào thanh cái TBA 220 Lệ Thủy	QĐ 1682/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Lệ Thủy 3, giai đoạn 3	30	2029	ĐZ mạch kép 220kV từ nhà máy Lệ Thủy 3 đấu vào thanh cái TBA 220 Lệ Thủy	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Quảng Ngãi	48			
1	Nhà máy điện gió xung quanh Nhà máy Lọc hóa Dầu Bình Sơn	48	2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Quảng Trị	448			
1	Nhà máy điện gió LIG Hướng Hóa 1	48	2025-2030	ĐZ 220kV đấu nối trạm biến áp 220kV NMDG LIG Hướng Hóa 1 có điểm đầu là TBA 220kV NMDG LIG Hướng Hóa 1 và điểm cuối là TBA 220kV NMDG Hướng Tân thuộc địa bàn xã Hướng Tân, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió LIG Hướng Hóa 2	48	2025-2030	Đường dây 220KV mạch đơn đấu nối đến TBA 35/220kV NMDG LIG Hướng Hóa 1. Đi chung đường dây 220 kV NMDG LIG Hướng Hóa 1 đến TBA 35/220KV Hướng Tân.	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió TNC Quảng Trị 1	50	2025-2030	Đường dây 220kV mạch đơn đấu nối vào TBA 220kV Hướng Tân	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió TNC Quảng Trị 2	50	2025-2030	Đường dây 22kV 04 mạch từ NMDG TNC Quảng Trị 2 đấu nối vào TBA 22/220kV NMDG Quảng Trị 1	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 1	48	2025-2030	XDM TBA 220kV Quảng Trị Win 1-2 đấu nối về TBA 220kV Hướng Tân, mở rộng 01 ngăn lộ 220kV TBA Hướng Tân	QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 2	48	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220kV Quảng Trị Win 1-2	QĐ 1682/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Quảng Trị Win 3	48	2025-2030	Xây dựng TBA 220kV Quảng Trị Win 3 đấu nối vào TBA 220kV Tài Tâm, mở rộng 01 ngăn lộ 220kV TBA Tài Tâm	QĐ 1682/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Hưng Bắc	30	2025-2030	Đấu nối về thanh cái 220kV TBA 220kV Tài Tâm	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
9	Nhà máy điện gió TK Power	48	2025-2030	Đường dây 220kV mạch đơn từ trạm nâng áp 35/220kV NMDG TK Power đấu nối về TBA 220kV NMDG Tài Tâm	QĐ 1682/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Đức Thắng 2	42	2025-2030	ĐZ 220 kV mạch đơn đầu về TBA 220kV Tài Tâm	
11	Nhà máy điện gió SCI Tân Thành	30	2025-2030	Đường dây 220kV, mạch đơn từ NMDG SCI Tân Thành đến TBA 500kV Lao Bảo (Hương Hóa). Xây dựng 1 ngấn lộ 220kV tại TBA 500kV Lao Bảo (Hương Hóa) để đấu nối	QĐ 1682/QĐ-TTg
12	NMDG Cam Lộ	200	2025-2030	ĐZ 220 kV đấu chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220 kV Đông Hà - Lao Bảo	
	Tỉnh Kon Tum	154			
1	Nhà máy điện gió Tân Tấn Nhật - Đắk Glei	50	2025		QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Sạc Ly - Kon Tum	104	2027	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp vào 01 mạch ĐZ 220kV Trạm cắt 220kV Bờ Y - TBA 500kV Pleiku 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Gia Lai	1011,3			
1	Nhà máy điện gió Hưng Hải Gia Lai	96	2023-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Ia Le 1	52,8	2023-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Chơ Long (Phần còn lại)	105,5	2025-2027		QĐ 1682/QĐ-TTg, tổng công suất 155 MW, đã vận hành 49,5 MW
4	Nhà máy điện gió Yang Trung	145	2025-2027		QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Ia Boòng - Chư Prông	50	2028	ĐZ 220 kV Ia Boòng - Chư Prông - ĐG Nhơn Hoà 1	QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Phú Mỹ	42	2027	ĐZ 220kV đấu nối về trạm 35/220kV Hoàng Ân	QĐ 1682/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Hoàng Ân	42	2027	Đấu nối đường dây 220kV về TBA 500kV Pleiku 3	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
8	Nhà máy điện gió Xã Trang	100	2027	ĐZ 220kV đấu vào thanh cái 220kV TBA 500kV Pleiku 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Thăng Hưng	42	2029	ĐZ 220kV đấu vào thanh cái 220kV TBA 500kV Pleiku 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 3	42	2030	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng áp 220kV ĐG Nhơn Hòa 1 (nối cấp phía 220 kV của TBA 500 kV Nhơn Hoà) để đấu nối NMDG Nhơn Hòa 3	QĐ 1682/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Nhơn Hòa 4	42	2030	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng áp 220kV ĐG Nhơn Hòa 1 (nối cấp phía 220 kV của TBA 500 kV Nhơn Hoà) để đấu nối NMDG Nhơn Hòa 4	QĐ 1682/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió Ia Ko 1	42	2029	ĐZ 220kV mạch đơn đầu nối từ thanh cái trạm nâng áp 33/220kV NMDG Ia Ko 1 đầu nối đến thanh cái 220kV TBA 500kV Nhơn Hòa	QĐ 1682/QĐ-TTg
13	Nhà máy điện gió Ia Ko 2	42	2029	Lắp mới 01 MBA 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMDG Ia Ko 1 để đấu nối NMDG Ia Ko 2.	QĐ 1682/QĐ-TTg
14	Nhà máy điện gió Ia Blứ 1	42	2028	ĐZ 220kV từ TBA nâng 220kV NMDG Ia Blứ 1 chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ trạm 500kV Pleiku 2 - Chư Sê - Krông Buk	QĐ 1682/QĐ-TTg
15	Nhà máy điện gió Lơ Pang - Gia Lai	42	2029	ĐZ 220kV chuyển tiếp đường dây 220kV Pleiku 2 - An Khê và đường dây 220kV Pleiku - TĐ An Khê	QĐ 1682/QĐ-TTg
16	Nhà máy điện gió Chư Sê 1	42	2028	ĐZ 220kV từ TBA nâng 220kV NMDG Chư Sê 1 vào thanh cái 220kV TBA 220kV Chư Sê	QĐ 1682/QĐ-TTg
17	Nhà máy điện gió Ia Le 2 (thuộc Cụm Nhà máy điện gió Ia Le)	42	2027	ĐZ 220kV chuyển tiếp ĐZ 220kV Pleiku 2 - Krông Buk	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Đắk Lắk	862			
1	Nhà máy điện gió Cư Né 1	50	2025	ĐZ 220 kV đấu nối ĐG Cư Né 1, Cư Né 2, Krông Buk 1, Krông Buk 2 qua TBA 220 kV ĐG Krông Buk vào ĐZ 220 kV Pleiku 2 - Krông Buk	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Cư Né 2	50	2025		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Krông Búk 1	50	2025		QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Krông Búk 2	50	2025		QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Easin 1	100	2025-2028	ĐZ 220 kV NMDG Easin 1 - trạm cắt 220 kV Cư Né mạch kép. Xây dựng trạm cắt 220 kV Cư Né và đường dây 220 kV bốn	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
				mạch Cự Nè - Rẽ Pleiku 2 - Krong Buk (chuyển tiếp trên cả 02 mạch đường dây 220 kV Pleiku 2 - Krông Buk)	
6	Nhà máy điện gió Krongbuk 3	100	2025-2028	Mở rộng 01 ngấn MBA trạm biến áp nâng áp 35/220 kV NMDG Ea Sin 1 kiểu ngoài trời với quy mô như sau: 01 ngấn MBA 35/220 kV - 125 MVA đầu nối NMDG Krông Búk 3, nâng công suất trạm nâng áp NMDG Easin 1 lên 2x125 MVA. Tận dụng hạ tầng đầu nối NMDG Easin 1	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Thuận Phong Đắk Lắk	100	2025-2028	Đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Búk - Nha Trang	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Tân Lập - Ea Hồ	50	2025-2028	ĐZ 110kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Krông Búk - Krông Năng.	QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Cư Pong 1,2	80	2025-2028	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220kV từ trạm 500kV Krông Búk - trạm 220kV Krông Búk	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Krông Năng 1.1; 1.2	80	2025-2028	ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm biến áp 110kV NMDG Krông Năng 1.1 đầu nối đến 110kV Krông Năng	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió NT 1; NT 2	75	2025-2028	ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm biến áp 110kV NMDG NT 1 đầu nối về thanh cái 110kV TBA 110kV Krông Pắc	QĐ 262/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió Ea Sin	77	2025-2028	ĐZ 220kV ĐG Ea Sin - TBA 500kV Ea Nam	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Đắk Nông	510			
1	Nhà máy điện gió Tuy Đức	50	2026-2028	ĐZ 220kV đầu nối về thanh cái 220 TBA 220kV Đắk Nông	QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Tuy Đức 10	60	2026-2028	ĐZ 220kV mạch kép NMDG Tuy Đức 10 đầu nối về NLMR tại TBA 220kV Đắk Nông	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nam Bình 1	50	2025-2026	Đầu về thanh cái 220kV ĐG Đắk Hòa	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Đắk N'Drung 1	100	2025-2026	Đầu về thanh cái 220kV Trạm biến áp 500kV	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Đắk N'Drung 2	100	2025-2026	Đầu về thanh cái 35kV/220kV trạm biến áp Điện gió Đắk N'Drung 1	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Đắk N'Drung 3	100	2025-2026	Đầu về thanh cái 35kV/220kV trạm biến áp Điện gió Đắk N'Drung 1	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Asia Đắk Song 1	50	2026-2027	Chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Đắk Song-Đắk Mil	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Bình Định	143			
1	Nhà máy điện gió Vân Canh Bình Định	143	2025-2030	ĐZ 110kV mạch kép đấu nối vào TBA 110kV Vân Canh	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Phú Yên	414			
1	Trang trại phong điện HBRE An Thọ giai đoạn 1	200	2023-2025	ĐZ 220kV đấu nối vào TBA 220kV Tuy Hòa	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió xanh Sông Cầu giai đoạn 1	50	2023-2025	ĐZ 110kV đấu nối vào TBA 220kV Sông Cầu	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Sông Cầu 2	82	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió LRSH Sơn Hòa	82	2025-2030	Xây dựng trạm 220 kV NMDG Sơn Hòa và đường dây 220 kV ACSR400 dài 24 km đấu nối vào thanh cái 220 kV trạm biến áp 220 kV Tuy Hòa	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Khánh Hòa	102			
1	Nhà máy điện gió Nexif Energy Khánh Hòa 1	102	2025-2030	ĐZ 220 kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp vào 1 mạch ĐZ 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Ninh Thuận	337,5			
1	Nhà máy điện gió Phước Hữu	50	2023-2025		QĐ 1682/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện dùng năng lượng tái tạo Phước Nam - Enfinity - Ninh Thuận	65	2023-2025	Đấu nối chuyển tiếp trên một mạch ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Tháp Chàm	QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió BIM mở rộng giai đoạn 2	50	2023-2025	Đấu nối về TBA 220kV NMDG BIM (hiện hữu)	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Tri Hải	39,5	2025	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nha Trang - Tháp Chàm mạch 2	QĐ 1682/QĐ-TTg
5	Một phần Công suất Nhà máy điện gió Hanbaram	93	2023-205		QĐ 1682/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió V2	40	2026-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đến thanh cái 220kV TBA 500kV Thuận Nam	QĐ 1682/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Bình Thuận	497,9			
1	Dự án điện gió Hoà Thắng 1.2	100	2025-2026	Đầu nối vào đường dây 110 kV Lương Sơn - Hoà Thắng - Mũi Nè	QĐ 262/QĐ-TTg, Tháo gỡ theo NQ 233/NQ-CP
2	NMDG Phong điện 1 - Bình Thuận giai đoạn 2	29,7	2025 - 2026	Theo phương án đã được phê duyệt	
3	NMDG Hòa Thắng 2.2	19,8	2025 - 2026	Theo phương án đã được phê duyệt	
4	NMDG Hồng Phong 2	20	2027	Theo phương án đã được phê duyệt	
5	NMDG Hàm Kiệm 2	15	2028	Theo phương án đã được phê duyệt	
6	ĐG Hòa Thắng 2.2 giai đoạn 2	30	2027	Theo phương án đã được phê duyệt	
7	Dự án Phong điện 1 - Bình Thuận giai đoạn 3	30	2028	XDM TBA 220 kV Phong điện 1 - Bình Thuận và ĐZ 220 kV đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Dự án Phong điện 1 - Bình Thuận giai đoạn 4	30	2029	XDM TBA 220 kV Phong điện 1 - Bình Thuận và ĐZ 220 kV đầu chuyển tiếp trên ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết	
9	Dự án điện gió khu vực huyện Tuy Phong	100	2030	Đầu nối ở cấp điện áp 110 kV, sử dụng hệ thống truyền tải của các dự án điện gió	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Dự án điện gió khu vực huyện Bắc Bình	123.4	2029	Đầu nối ở cấp điện áp 110 kV, sử dụng hệ thống truyền tải của các dự án điện gió	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Lâm Đồng	216,9			
1	Nhà máy điện gió Cầu Đất	68,9	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Đức Trọng	50	2029		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Xuân Trường ₁	50	2030	Đầu nối NMDG Xuân Trường 1 vào NMDG Xuân Trường 2	QĐ 1682/QĐ-TTg, tỉnh đề xuất điều chỉnh vị trí dự án
4	Nhà máy điện gió Xuân Trường ₂	48	2030	ĐZ 110 kV đầu chuyển tiếp trên ĐZ 110 kV Đa Nhim - Đơn Dương. XDM TBA 110 kV ĐG Xuân Trường 2, công suất 63 MVA	QĐ 1682/QĐ-TTg, tỉnh đề xuất điều chỉnh vị trí dự án
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	103			

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
1	Nhà máy điện gió Công Lý Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 1	103	2025-2030	ĐZ 110 kV đấu nối vào TBA 110 kV Hồ Tràm	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Bến Tre	605,8			
1	Nhà máy điện gió số 5 Bến Tre giai đoạn 2 (NMDG Thanh Hải 2,3,4)	85,8	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Nexif Bến Tre giai đoạn 2, 3	50	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Thanh Phú	120	2025-2030	ĐZ 110kV NMDG Thanh Phú - 110kV trạm cắt Bình Thạnh - 110kV Bình Thạnh	QĐ 1682/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Bảo Thạnh	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió số 19 Bến Tre	50	2025-2030	Xây dựng TBA 220kV Bình Đại quy mô 2x250MVA + 2x63MVA (Giai đoạn 1: lắp đặt 01 máy biến áp 63MVA phục vụ đấu nối nhà máy điện gió số 19 và 01 máy biến áp 63MVA phục vụ đấu nối nhà máy điện gió số 20). Mở rộng ngăn lộ 220kV tại trạm 220kV Bến Tre. Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép Bình Đại - Bến Tre dài 50 km	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió số 20 Bến Tre	50	2025-2030	Đấu nối về máy biến áp 63MVA tại TBA 220kV Bình Đại (chia sẻ chi phí xây dựng trạm biến áp 220kV Bình Đại và chi phí mở rộng ngăn lộ 220kV tại trạm 220kV Bến Tre). Chia sẻ chi phí xây dựng ĐZ 220kV mạch kép Bình Đại - Bến Tre.	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Hải Phong	200	2025-2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Bạc Liêu	817			
1	Nhà máy điện gió Nhật Bản - Bạc Liêu	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Bạc Liêu giai đoạn III	141	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Hòa Bình 3	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 3 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối vào TBA 110kV NMDG Hòa Bình 2	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
4	Nhà máy điện gió Hòa Bình 2-1	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 2-1 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối vào TBA 110kV NMDG Hòa Bình 2	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Hòa Bình 4	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 4 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối vào TBA 110kV NMDG Hòa Bình 1	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Hòa Bình 6	40	2025-2030	ĐZ 220 kV NMDG Hòa Bình 6 - NMDG Kosy Bạc Liêu (giai đoạn 1) hoặc đấu nối vào TBA 220kV Hòa Bình	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Hòa Bình 8	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 8 tới trạm 220kV Hòa Bình hoặc nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hòa Bình - Bạc Liêu.	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Hòa Bình 5.1	80	2025-2030	ĐZ 220kV đấu nối từ TBA NMDG Hòa Bình 5.1 đến TBA 220kV Hòa Bình hoặc đấu nối về TBA 220kV NMDG Hòa Bình 5 (giai đoạn 1)	QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Đông Hải 1 - giai đoạn 3	50	2025-2030	Đấu nối về TC110kV trạm cắt Hòa Bình 2 thuộc NMDG Đông Hải 1 (dùng chung ĐZ đấu nối 110kV từ Trạm cắt Hòa Bình 2 tới ĐZ 110kV Đông Hải - Hòa Bình) hoặc ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Đông Hải 1 - giai đoạn 3 tới trạm 220kV Giá Rai	QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Đông Hải 6	30	2025-2030	Đấu nối từ NMDG Đông Hải 6 vào TBA 220kV Hòa Bình	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Đông Hải 5	36	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220kV Hòa Bình sử dụng chung đường dây đấu nối với nhà máy điện gió Đông Hải 6	QĐ 262/QĐ-TTg
12	Nhà máy điện gió An Phúc Đông Hải	40	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220kV Hòa Bình sử dụng chung đường dây đấu nối với nhà máy điện gió Đông Hải 6	QĐ 262/QĐ-TTg
13	Nhà máy điện gió Đông Hải 13	100	2025-2030	ĐZ 220kV đấu nối từ NMDG Đông Hải 13 vào TBA 220kV Giá Rai	QĐ 262/QĐ-TTg
14	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 1	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối từ TBA NMDG Đông Hải 3 - giai đoạn 1 vào 110kV TBA 110kV Đông Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Tiền Giang	200			

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
1	Nhà máy điện gió Tân Thành	100	2025-2030	Trạm 110kV Điện gió Tân Thành - Rẽ Điện gió Tân Phú Đông 2 - Gò Công Đông; trạm biến áp nâng áp 2x63MVA	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1	100	2023-2025		QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Trà Vinh	632,5			
1	Nhà máy điện gió Hiệp Thạnh (phần còn lại)	64,5	2023-2030		QĐ 262/QĐ-TTg. Tổng công suất 77,3 MW, đã vận hành 12,8 MW
2	Nhà máy điện gió Đông Thành 1	80	2026	ĐZ 220 kV đấu nối ĐG Đông Thành 1 đến trạm 500kV Duyên Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Đông Thành 2	120	2026	Gom chung với ĐG Đông Thành 1	QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Thăng Long	96	2026	ĐZ 220kV mạch đơn đầu vào TBA 220kV Duyên Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 (vị trí V3-3)	48	2026	ĐZ 220kV mạch đơn đầu nối TBA 220kV ĐG V3-3 về TBA 220kV ĐG Đông Thành 1	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió V1-5 và V1-6 giai đoạn 2	80	2026	ĐZ 110kV mạch kép đầu nối TBA 110kV ĐG V1-5 và V1-6 giai đoạn 2 chuyển tiếp trên ĐZ 110kV đầu nối ĐG Hiệp Thạnh - ĐG V1-3	QĐ 262/QĐ-TTg
7	Nhà máy điện gió Duyên Hải 2	96	2027	ĐZ 220kV đầu nối về thanh cái 220kV TBA 220kV Duyên Hải	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió số 3 (vị trí V3-8)	48	2027	ĐZ 220kV mạch đơn đầu nối TBA 220kV ĐG V3-8 vào thanh cái 220kV của TBA 220kV ĐG V3-7	QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Sóc Trăng	1143,4			
1	Nhà máy điện gió Lạc Hòa 2	123,6	2025-2027		QĐ 262/QĐ-TTg, (Tổng công suất 130 MW, đã vận hành 123,6MW; 6,4 MW còn lại vận hành 2025-2027)

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
2	Nhà máy điện gió số 7 - giai đoạn 2	90	2027		QĐ 1682/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió số 11	100,8	2027		QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Trần Đề	50	2028		QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió Sông Hậu	50	2028		QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió BCG Sóc Trăng 1	50	2029		QĐ 262/QĐ-TTg
7	Cụm Nhà máy điện gió Phú Cường 1A và 1B	200	2029		QĐ 1682/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Sóc Trăng 4	350	2030		QĐ 1682/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió khu vực gần bờ biển xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu	129	2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối từ TBA 220kV dự án về thanh cái 220kV TBA 220kV Vĩnh Châu	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh An Giang	50	2025-2030		
1	Nhà máy điện gió JR An Giang	50	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Cà Mau	860			
1	Nhà máy điện gió Viên An	50	2023-2030	ĐZ 110kV mạch đơn TBA 110kV NMDG Viên An - TBA 110kV Rạch Gốc	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Cà Mau 1A	88	2025-2026		QĐ 262/QĐ-TTg
3	Nhà máy điện gió Cà Mau 1B	88	2025-2026		QĐ 262/QĐ-TTg
4	Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1	100	2026	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 - TBA 110kV NMDG Khai Long giai đoạn 2	QĐ 262/QĐ-TTg
5	Nhà máy điện gió An Đông 1	50	2026	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG An Đông 1 đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ NMDG Viên An - TBA 110kV Rạch Gốc	QĐ 262/QĐ-TTg
6	Nhà máy điện gió Khánh Bình Tây	50	2028	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG Khánh Bình Tây - TBA 110kV Trần Văn Thời	QĐ 262/QĐ-TTg

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
7	Nhà máy điện gió Khai Long Giai đoạn 2	100	2027	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG Khai Long giai đoạn 2 - TBA 220kV Năm Căn	QĐ 262/QĐ-TTg
8	Nhà máy điện gió Cà Mau 1C	88	2029-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
9	Nhà máy điện gió Cà Mau 1D	86	2029-2030		QĐ 262/QĐ-TTg
10	Nhà máy điện gió Khai Long Giai đoạn 3	100	2027	Trạm biến áp 110kV NMDG Khai Long giai đoạn 2, lắp thêm máy biến áp T3 và T4; sử dụng chung đường dây 110kV NMDG Khai Long giai đoạn 2	QĐ 262/QĐ-TTg
11	Nhà máy điện gió Viên An Đông	60	2029	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG Viên An Đông - TBA 220kV NMDG Viên An	QĐ 1682/QĐ-TTg
	Tỉnh Hậu Giang	100			
1	Nhà máy điện gió Long Mỹ 1	100	2027		QĐ 262/QĐ-TTg
	Tỉnh Kiên Giang	137			
1	Nhà máy điện gió Hòn Đất 1	77	2025-2030	ĐZ 220 kV NMDG Hòn Đất 1 - Rẽ Rạch Giá - Kiên Bình	QĐ 262/QĐ-TTg
2	Nhà máy điện gió Kiên Lương 1	60	2025-2030		QĐ 262/QĐ-TTg

Ghi chú:

-Tiến độ vận hành lưới điện đấu nối đồng bộ với tiến độ nguồn điện.

Bảng 13: Danh mục các dự án điện gió trên bờ, gần bờ được phân bổ thêm cho các địa phương theo từng giai đoạn

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
I	Danh mục các dự án được phân bổ tăng thêm, đưa vào vận hành giai đoạn 2025-2030			
	Tỉnh Điện Biên	779		
1	Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	175	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ TBA NMĐG BCG Điện Biên 2 về TBA 220kV Điện Biên
2	Nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ 2	150	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nậm Pồ - Lai Châu về TBA 500kV Lai Châu
3	Nhà máy điện gió Mường Ảng	108	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối từ TBA 110kV ĐG Mường Ảng vào TC110kV của TBA 220kV Điện Biên
4	Nhà máy điện gió Điện Biên Đông (Giai đoạn 1)	126	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ TBA 220kV Điện Biên đến TBA 500kV
5	NMĐG Tà Dình	120	2025-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ TBA 220kV NMĐG Tà Dình về TC 220kV TBA NMĐG Điện Biên Đông (Giai đoạn 1)
6	NMĐG Mường Chà	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Tuần Giáo - TBA 500kV Lai Châu
7	NMĐG Điện Biên Đông	50	2025-2030	ĐZ 110kV đấu chuyển tiếp trên ĐZ 110kV TBA Sông Mã 3 - TBA 110kV Điện Biên Đông
	Tỉnh Bắc Kạn	266		
1	Nhà máy điện gió Hương Nê	100	2028	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp ĐZ 110kV Bắc Kạn - Cao Bằng. XDM TBA 35/220kV NMĐG Hương Nê quy mô công suất 1x125MVA
2	Nhà máy điện gió Thượng Quan	100	2028	Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp đường dây 110kV Bắc Kạn - Cao Bằng. XDM TBA 35/220kV NMĐG Thượng Quan quy mô công suất 1x125MVA
3	Nhà máy điện gió Yên Hạ	66	2029	XDM ĐZ 220kV mạch đơn từ trạm 220kV NMĐG Yên Hạ về thanh cái 220kV tại TBA220kV NMĐG Thiên Long - Chợ Mới; XDM TBA 35/220kV NMĐG Yên Hạ quy mô công suất 1x75MVA
	Tỉnh Yên Bái	160		

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
1	Điện gió Trạm Tấu	60	2029	Đường dây 110 kV 1 mạch, đấu nối từ TBA 110kV NMĐG Trạm Tấu về ngăn lộ 110kV TBA 220kV Nghĩa Lộ.
2	Điện gió Trạm Tấu 1	100	2028	Đường dây 220 kV 1 mạch đấu nối từ TBA 220kV NMĐG Trạm Tấu 1 về TBA 220kV Nghĩa Lộ.
	Tỉnh Quảng Ninh	300		
1	Nhà máy điện gió Quảng Ninh 1- Giai đoạn 2	100	2028	ĐZ 220kV mạch kép đến trạm 220kV Quảng Ninh 1
2	Nhà máy điện gió tại huyện Bình Liêu, huyện Tiên Yên	100	2028	ĐZ 220kV mạch kép đến trạm 220kV Hải Hà. Hoặc Xây dựng ĐZ 220kV mạch kép đến trạm 220kV Cộng Hòa
3	Nhà máy điện gió tại thành phố Móng Cái	100	2028	ĐZ 220kV mạch kép đi TBA 220kV Móng Cái
	Tỉnh Sơn La	503		
1	Điện gió Mai Sơn	128	2027	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ TBA 220kV Sơn La - TBA 500kV Sơn La
2	Điện gió Tây Phù Yên	100	2030	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Sơn La - Việt Trì
3	Điện gió Mường Sam	150	2030	ĐZ 220kV đấu nối vào TBA 220kV Sông Mã
4	Điện gió Bắc Yên 1	125	2030	Xây dựng đường dây 220kV mạch kép, đấu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Sơn La - Việt Trì
	Tỉnh Thanh Hóa	245		
1	Điện gió Thái Hải Hùng	30	2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối Dự án Điện gió Thái Hải Hùng vào TBA 220kV Sầm Sơn
2	Nhà máy điện gió Hoàng Hóa	115	2028	ĐZ 220kV từ TBA 220kV dự án đến TBA 220kV Hậu Lộc
3	Nhà máy điện gió Nghi Sơn 1	50	2029	Đấu nối vào lưới 220kV/110kV hiện trạng
4	Nhà máy điện gió Nghi Sơn 2	50	2029	Đấu nối vào lưới 220kV/110kV hiện trạng
	Tỉnh Nghệ An	200		
1	Nhà máy điện gió Nam Đàn giai đoạn 2	130	2030	Sử dụng chung hạ tầng ĐZ đấu nối 220kV Đô Lương - Hưng Đông (xây dựng trong giai đoạn 1 của dự án)
2	Điện gió Quỳnh Lập 2	70	2029-2030	ĐZ 110kV mạch đơn NMĐG Quỳnh Lập 2 kết nối đến Trạm biến áp 110kV Hoàng Mai
	Tỉnh Hà Tĩnh	1604,5		
1	Nhà máy điện gió Kỳ Anh ĐT1	49.5	2029-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối đến NMĐG ĐT2
2	Nhà máy điện gió Eco Wind Kỳ Anh	498	2028 - 2030	ĐZ 500 kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 500kV Hà Tĩnh - Vũng Áng

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
3	Nhà máy điện gió Kỳ Ninh - Hà Tĩnh	198	2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
4	Nhà máy điện gió Hồ Đá Cát	40	2027-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
5	Nhà máy điện gió Kỳ Khang - giai đoạn 2	60	2027-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối Nhà máy ĐG Kỳ Khang giai đoạn 1
6	Nhà máy điện gió Cẩm Xuyên - giai đoạn 2 (phần gần bờ)	84	2030	Chia sẻ đầu tư xây dựng với ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh
7	Nhà máy điện gió Kỳ Anh	400	2029-2030	ĐZ 500kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 500kV mạch 3
8	Nhà máy điện gió Kỳ Anh 1	65	2028-2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
9	Nhà máy điện gió Kỳ Anh 2	50	2029-2030	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
10	Nhà máy điện gió Kỳ Anh 3	50	2029-2030	ĐZ 110kV mạch đơn đấu nối về thanh cái 110kV TBA 220kV Nhà máy điện gió Kỳ Anh 1
11	Nhà máy điện gió Kỳ Anh 4	60	2029-2030	ĐZ 220kV mạch kép, đấu nối transit vào ĐZ 220kV Hà Tĩnh - Vũng Áng
12	Nhà máy điện gió Kỳ Anh ĐT3 mở rộng	50	2029-2030	ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối đến NMDG ĐT3
Tỉnh Quảng Bình		997,5		
1	Nhà máy điện gió Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu (điện gió gần bờ)	120	2028	ĐZ 220kV mạch kép ĐG Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu đấu nối về TBA 220kV Lệ Thủy hoặc XD ĐZ 220kV mạch kép từ NMDG Ngư Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu đến TBA 220kV Quảng Bình 1
2	Nhà máy điện gió Thái Dương 1 (điện gió gần bờ)	120	2029	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái 220kV TBA 220kV Ba Đồn
3	Cụm Nhà máy điện gió Hải Ninh (Điện gió gần bờ)	118	2028	ĐZ220kV mạch kép đến TBA 220kV Đồng Hới hoặc ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy ĐG Hải Ninh đến TBA 220kV Quảng Bình 2
4	Nhà máy Điện gió HalCom Hồng Đức (Điện gió gần bờ)	120	2027	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 220kV Đồng Hới - Đông Hà mạch 2 qua Trạm cắt 220kV. Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMDG Hồng Đức Halcom đi Trạm cắt 220kV. Xây dựng mới Trạm cắt 220kV đấu nối tiếp vào ĐZ 220kV Đồng Hới - Đông Hà mạch 2
5	Nhà máy điện gió Phúc Lộc Thọ (Điện gió gần bờ)	120	2027	Xây dựng TBA 35/500kV với tổng công suất 900MVA tại NMDG Phúc Lộc Thọ; Xây dựng ĐZ mạch đơn 500kV từ NMDG gió Phúc Lộc Thọ đấu nối về thanh cái 500kV NB Quảng Trạch

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
6	Nhà máy điện gió Quảng Bình 1	70	2027	Đấu nối vào TBA Tuyên Hóa 110kV, mạch đơn
7	Trang trại điện gió Quảng Bình 2	70	2029	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Ba Đồn - ND Formosa
8	Nhà máy điện gió Thanh Sơn (gồm Thanh Sơn 1 và Thanh Sơn 2)	60	2027	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Đồng Hới - Ba Đồn - Formosa
9	Nhà máy điện gió Phú Định	69	2029	ĐZ 110kV mạch đơn từ trạm tăng áp 110kV NMDG Phú Định về trạm 110kV Bắc Đồng Hới
10	Nhà máy điện gió Lệ Thủy 3	110.5	2030	ĐZ 220kV mạch kép từ nhà máy Lệ Thủy 3 vào thanh cái TBA 220 Lệ Thủy. Hoặc xây dựng ĐZ, TBA 110 kV nhà máy điện gió đấu nối vào đường dây, TBA 110 kV khu vực huyện Lệ Thủy
11	Nhà máy điện gió Lệ Thủy 3, Giai đoạn 3 - tăng công suất	20	2029	ĐZ mạch kép 220kV từ nhà máy Lệ Thủy 3 vào thanh cái TBA 220 Lệ Thủy. Hoặc ĐZ, TBA 110 kV nhà máy điện gió đấu nối vào đường dây, TBA 110 kV khu vực huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh
	Tỉnh Quảng Trị	493,4		
1	SCI Tân Thành (phần còn lại)	12	2025-2030	Đấu nối chung NMDG SCI Tân Thành
2	Hưng Bắc (phần còn lại)	40	2025-2030	Đấu nối về thanh cái 220kV TBA 220kV Tài Tâm
3	Tân Hợp 1	50	2025-2030	Đấu nối vào TBA 110 kV NMDG Tân Hợp
4	Phong Liễu mở rộng	35	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220kV Hướng Tân
5	AMACCAO - Quảng Trị 2	48	2025-2030	ĐZ 220kV ĐG Amaccao Quảng Trị 2 - Ngăn lộ mở rộng NMDG Amaccao Quảng Trị 1
6	Phúc Thành An Quảng Trị	48	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220kV Hướng Tân
7	My Anh Quảng Trị 1	48	2025-2030	Đấu nối đến thanh cái 220kV TBA 220kV Lao Bảo
8	Nhà máy điện gió SCI Ba Tầng 1	25	2025-2030	Đấu nối vào thanh cái 220kV TBA 220kV SCI Tân Thành bằng ĐZ mạch đơn
9	Quảng Trị Win 5	48	2025-2030	XDM các ĐZ trung áp đấu nối về phía 35 kV của MBA 35/220 kV Quảng Trị Win 5-6 - 125 MVA
10	Quảng Trị Win 6	48	2025-2030	XDM TBA 220 kV Quảng Trị Win 5-6 - 125 MVA; XDM ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối TBA Quảng Trị Win 5-6 đến TBA 220 kV Lao Bảo (Hướng Hoá)
11	Phúc Thành An Vĩnh Phúc	30	2025-2030	Đấu nối vào TBA 220 kV Hướng Tân
12	Đức Thắng 2 (phần còn lại)	20	2025-2030	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối về TBA 220 kV NMDG Tài Tâm
13	TK Power (phần còn lại)	20	2025-2030	ĐZ 220 kV mạch đơn đấu nối về TBA 220 kV NMDG Tài Tâm

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
14	Cam Lộ 1	36	2025-2030	ĐZ 220 kV NMĐG Cam Lộ 1 - Đông Hà
15	Licogi 16 - Quảng Trị	30	2025-2030	ĐZ 220 kV NMĐG Licogi 16 - Quảng Trị - Lao Bảo
	Tỉnh Kon Tum	430,75		
1	Điện gió Chư Hreng (giai đoạn 1)	150	2027	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối vào ngăn lộ 220kV TBA 500kV Kon Rẫy
2	Điện gió Sạc Ly - Kon Tum (giai đoạn 2)	96	2028-2030	Đấu nối về TBA 220kV NMĐG Sạc Ly - Kon Tum. Lắp thêm 01 MBA công suất 1x125MVA tại trạm biến áp 220kV NMĐG Sạc Ly-Kon Tum
3	Điện gió Kon Plong	103.5	2025-2030	TBA nâng áp NMĐG Kon Plông 35/220kV, công suất 150MVA. Xây dựng trạm cắt 220kV Kon Plông để gom công suất NMĐG Kon Plông và đấu nối vào hệ thống điện quốc gia. XDM ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 35/220kV NMĐG Kon Plông đấu về thanh cái 220kV trạm cắt Kon Plông. Xây dựng ĐZ 220kV bốn mạch từ trạm cắt 220kV Kon Plông đấu chuyển tiếp trên hai mạch đường dây 220kV thủy điện Thượng Kon Tum - 220kV Quảng Ngãi
4	Điện gió Đăk Tờ Re	81.25	2027	Đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ 110kV Kon Tum - Kon Plông bằng đường dây 110kV; phương án dự phòng: đấu nối về TBA 500kV Kon Rẫy
	Tỉnh Gia Lai	849		
1	NMĐG Chư Sê - Envision	40	2028	Đấu nối chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Chư Sê - Krong Buk (mạch 2)
2	NMĐG Ia Blư 1 (GD2)	42	2028	Đấu nối NMĐG Ia Blư 1 (GD 2) về TBA 220kV NMĐG Ia Blư 1
3	NMĐG Chư Pưh 1.1	45	2030	XDM TBA nâng 220 kV NMĐG Chư Pưh 1.1, công suất 125 MVA. ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG Chư Pưh 1.1 đấu nối đến TBA 220kV nâng áp Ia Boòng - Chư Prông. XDM các ĐZ trung thế đấu nối NMĐG Chư Pưh 1.1
4	NMĐG Chư Pưh 1.2	45	2030	XDM các ĐZ trung thế đấu nối về phía trung áp của TBA nâng 220 kV NMĐG Chư Pưh 1.1
5	NMĐG TNE 1	45	2030	XDM TBA nâng 220 kV NMĐG TNE 1, công suất 63 MVA. ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG TNE 1 đấu nối đến TBA 220kV Chư Pưh 1.1. XDM các ĐZ trung thế đấu nối NMĐG TNE 1
6	NMĐG TNE 2	45	2030	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG TNE 1 để đấu nối NMĐG TNE 2. XDM các ĐZ trung thế đấu nối NMĐG TNE 2

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
7	NMĐG TNE 3	45	2030	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG TNE 1 để đấu nối NMĐG TNE 3. XDM các ĐZ trung thế đấu nối NMĐG TNE 3
8	NMĐG Xã Trang (GĐ2)	100	2027	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Pleiku 3
9	NMĐG Bờ Ngoong	100	2028	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Pleiku 3
10	NMĐG Thăng Hưng (GĐ 2)	38	2029	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Pleiku 3
11	NMĐG Phú Mỹ (GĐ 2)	38	2027	Đấu nối bằng ĐZ 220kV từ NMĐG Phú Mỹ đến TBA 220kV NMĐG Hoàng Ân và đi chung về TBA 500kV Pleiku 3
12	NMĐG An Thành Gia Lai	40	2029	Đấu nối bằng ĐZ 220 kV NMĐG An Thành Gia Lai sử dụng cột 4 mạch đấu nối transit vào 02 ĐZ 220kV Pleiku - ĐSK An Khê và Pleiku 2 - An Khê
13	NMĐG Ia Dreng 1 - Chư Puh	40	2029	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA nâng 35/220kV NMĐG Ia Dreng 1 - Chư Puh vào thanh cái 220kV trạm 220kV Chư Sê
14	NMĐG Ia Hla	40	2029	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch đơn về TBA 500kV Nhơn Hoà
15	NMĐG Ia Blứ 1 - Chư Puh	40	2030	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa, (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)
16	NMĐG Ia Blứ 2 - Chư Puh	40	2029	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhơn Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)
17	NMĐG Hoàng Ân (GĐ2)	28	2027	Đấu nối bằng ĐZ 220kV từ NMĐG Hoàng Ân đến TBA 500kV Pleiku 3
18	NMĐG Chư Sê 1 (GĐ2)	38	2028	Đấu nối bằng ĐZ 220kV từ NMĐG Chư Sê 1 vào TBA 220kV Chư Sê
	Tỉnh Đắk Lắk	985		
1	Nhà máy điện gió Krông Ana 1	160	2026-2029	ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG Krông Ana 1 đấu nối về TBA 220kV Krông Ana (Cư Kuin)
2	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 3 - Giai đoạn II;	100	2026-2029	ĐZ 220kV đấu nối về TBA 220kV Krông Buk
3	Nhà máy điện gió E&M Đắk Lắk	95	2026-2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Buk - Nha Trang
4	Điện gió Thanh Phong Giai đoạn 1	100	2026-2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Buk - Pleiku 2
5	Nhà máy điện gió Ea Sin 2	250	2026-2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối về TBA 500kV NMĐG Ea Nam

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
6	Nhà máy điện gió Thuận Phong 2, GD 1	100	2026-2029	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV trạm 500kV Krông Buk - Krông Buk
7	Điện gió HLP Krông Năng	50	2026-2029	Đấu nối tại thanh cái 110kV của TBA 110kV nâng áp HLP Ea HLeo 1
8	Nhà máy điện gió Chư Kbo, GD 1	50	2026-2029	ĐZ 220kV mạch đơn từ NMĐG Chư Kbo đấu nối về TBA 500kV của NMĐG Ea Nam
9	Dự án Nhà máy điện gió Dliê Ya-Krông Năng, GD 1	80	2026-2029	ĐZ 110kV mạch đơn từ TBA 110kV nhà máy điện gió về HTPP 110kV TBA 220kV Krông Búk
Tỉnh Bình Định		1233		
1	Nhà máy điện gió Hòn Trâu - Giai đoạn 1	750	2028-2029	ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV Hòn Trâu 1 (khu vực HT1A) đi TBA 220kV Phù Mỹ và XDM ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV Hòn Trâu 1 (khu vực HT1B) đi TBA 220kV Nhơn Hội
2	Nhà máy điện gió Vĩnh Thuận	143	2027-2028	ĐZ 110kV mạch kép từ TBA 110kV NMĐG Vĩnh Thuận đấu nối vào TC110kV của TBA 110kV Đồn Phó
3	Nhà máy điện gió Vân Canh 1	160	2027-2028	ĐZ 220kV 4 mạch từ TBA 220kV ĐG Vân Canh 1 đấu nối transit trên ĐZ 220kV Quy Nhơn - TĐ An Khê và ĐZ 220kV Phước An - TĐ An Khê
4	Nhà máy điện gió Vân Canh 2	180	2027-2028	ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV ĐG Vân Canh 2 đấu nối vào TC220kV TBA 220kV ĐG Vân Canh 1
Tỉnh Phú Yên		300		
1	Dự án điện gió Sông Cầu 2 giai đoạn 2	38	2028-2029	ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 220kV NMĐG Sông Cầu đấu nối vào TBA 220kV NMĐG Sông Cầu 1
2	Dự án điện gió Sông Cầu 1 giai đoạn 1	50	2028-2029	Đấu nối vào TBA 220kV Sông Cầu, đường dây 220kV mạch đơn
3	Dự án điện gió Sơn Long	50	2028-2029	ĐZ 110kV đấu nối vào TBA 110kV Phú Hòa
4	Dự án điện gió EaBar	50	2028-2029	ĐZ 220 kV đấu nối chuyển tiếp lên ĐZ 220 kV Krông Buk - Sông Ba Hạ
5	Dự án điện gió LRSH Sơn Hòa giai đoạn 2	18	2028-2029	Xây dựng trạm 220 kV MĐG Sơn Hòa và ĐZ 220 kV ACSR400 đấu nối vào TBA 220 kV Tuy Hòa
6	Dự án điện gió VICO	44	2028-2029	Đấu nối vào TBA 220kV Tuy Hòa, đường dây 220kV
7	Dự án điện gió LRSC Sông Cầu	50	2028-2029	Đấu nối vào TBA 220kV Sông Cầu, đường dây 110kV mạch đơn
Tỉnh Khánh Hòa		200		
1	Nhà máy điện gió TDX Khánh Hòa 1	100	2026-2030	ĐZ 220 kV với 02 mạch đấu nối chuyển tiếp trên mạch 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
2	Nhà máy điện gió EEC Khánh Hòa	100	2026-2030	Đấu nối vào 2 mạch của đường dây 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm
	Tỉnh Ninh Thuận	1039		
1	Điện gió Tri Hải (giai đoạn 2)	39.5	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nha Trang - Tháp Chàm mạch 2 từ giai đoạn 1
2	Điện gió Bắc Sơn	60.5	2025-2030	ĐZ 220kV từ NMĐG Bắc Sơn đấu chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Nha Trang - Tháp Chàm mạch 2
3	Điện gió hồ Núi Một	50	2025-2030	Đường dây 35(22) kV 6 mạch từ Nhà máy đến TBA 220kV NMĐMT hồ Núi Một 2; Nâng công suất TBA 220kV NMĐMT hồ Núi Một 2 lên (100+125) MVA
4	Điện gió BIM mở rộng giai đoạn 3	120	2025-2030	Đấu nối về TBA 220kV NMĐG BIM (hiện hữu); Đầu tư mở rộng MBA T2 33/33/200kV, công suất 200MVA tại vị trí dự phòng TBA 220kV NMĐG BIM. Đầu tư mở rộng các ngăn lộ 220kV tại TBA 220kV NMĐG BIM đồng bộ với MBA T2 và hoàn thiện sơ đồ nối điện tại TBA 220kV NMĐG BIM. Đầu tư mở rộng 01 ngăn lộ 220kV tại Trạm cắt Quán Thê (278). Treo mạch 2 ĐZ 220kV NMĐG BIM - Trạm cắt Quán Thê
5	Điện gió V2 - Mở rộng	769	2025-2030	ĐZ 220kV mạch kép ĐG V2 - Mở rộng - TBA 500 kV Thuận Nam
	Tỉnh Bình Thuận	242		
1	NMĐG khu vực biển gần bờ huyện Tuy Phong, Bắc Bình	100	2030	Đấu nối vào lưới điện 220 kV gần khu vực dự án
2	NMĐG khu vực biển gần bờ huyện Hàm Thuận Nam, huyện Hàm Tân, thị xã La Gi	142	2029	Đấu nối vào lưới điện 220 kV gần khu vực dự án
	Tỉnh Lâm Đồng	200		
1	Dự án điện gió Cầu Đất giai đoạn 2	200	2030	Xây dựng TBA nâng áp 22/220kV, công suất 2x125MVA: ĐZ 22kV mạch đơn từ TBA 220kV đấu nối về TC 220kV trạm cắt 220kV Đa Nhim, mở rộng ngăn lộ ĐZ 220kV trạm cắt 220kV Đa Nhim.
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	100		
1	Nhà máy điện gió gần bờ Xuyên Mộc giai đoạn 3	100	2025-2030	ĐZ 110 kV đấu nối vào TC110kV của TBA 220 kV Phước Thuận
	Tỉnh Bến Tre	500		
1	NMĐG huyện Ba Tri	50	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG huyện Ba Tri - 220kV Bình Đại
2	NMĐG huyện Bình Đại 1	50	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG huyện Bình Đại 1 - 220kV Bình Đại

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
3	NMĐG huyện Bình Đại 2	50	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG huyện Bình Đại 2 - 220kV Bình Đại
4	NMĐG huyện Bình Đại 3	100	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG huyện Bình Đại 3 - 220kV Bình Đại
5	NMĐG Thạnh Phú 1	125	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG Thạnh Phú 1 - 220kV Thạnh Phú
6	NMĐG Thạnh Phú 2	75	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG Thạnh Phú 2 - 220kV Thạnh Phú
7	NMĐG Thạnh Phú 3	50	2026-2030	ĐZ 110kV NMĐG Thạnh Phú 3 - 220kV Thạnh Phú
	Tỉnh Bạc Liêu	270		
1	Nhà máy điện gió Đông Hải 1 Giai đoạn 4	50	2025-2030	ĐZ 220 kV đấu nối từ NMĐG Đông Hải 1 - giai đoạn 4 tới TBA 220 kV NMĐG Đông Hải 13
2	Nhà máy điện gió Đông Hải 13 Giai đoạn 2	70	2025-2030	Đấu nối vào trạm 220 kV Giá Rai, sử dụng chung đường dây đấu nối với NMĐG Đông Hải 13
3	Nhà máy điện gió Đông Hải 3 - giai đoạn 2	50	2025-2030	Lắp đặt máy biến áp NMĐG Đông Hải 3 giai đoạn 2 trong trạm 110 kV
4	Nhà máy điện gió Hòa Bình 6 - giai đoạn 2	100	2025-2030	Đường dây 220 kV đấu nối từ NMĐG Hòa Bình 6 - GD2 vào TBA 220 kV Hòa Bình
	Tỉnh Tiền Giang	100		
1	Điện gió Tân Thành 2	100	2025-2030	ĐZ 220 kV đấu nối về TBA 220 kV Gò Công
	Tỉnh Trà Vinh	1402		
1	Dự án Nhà máy điện gió số 3 (vị trí V3-8) - mở rộng	160	2027	Lắp mở rộng thêm 2 MBA công suất 2x90MVA tại TBA 220kV NMĐG số 3 (Vị trí V3-8). Sử dụng chung hạ tầng ĐZ truyền tải NMĐG số 3
2	Dự án Nhà máy điện gió Đông Hải 3 (vị trí V3-3) mở rộng	120	2027	Đường dây 220kV đấu nối, chia sẻ hạ tầng trạm và đường dây 220kV từ Nhà máy điện gió Đông Hải 3 (Vị trí V3-3) đến Trạm biến áp 500kV Duyên Hải
3	Dự án Nhà máy điện gió tại vị trí V3-6	275	2027	Xây dựng TBA 220kV ĐG V3-6 và ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối TBA 220kV ĐG V3-6 về thanh cái 220kV của TBA 220kV ĐG V3-7
4	Dự án Nhà máy điện gió V3-5	120	2027	Xây mới TBA 220kV NMĐG V3-5 và ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối TBA 220kV ĐG V3-5 về thanh cái 220kV của TBA 220kV ĐG V3-6
5	Dự án Nhà máy điện gió V3-7	329	2027	Xây mới TBA 220kV NMĐG V3-7 và ĐZ 220kV 04 mạch đấu nối TBA 220kV NMĐG V3-7 chuyển tiếp trên ĐZ 220kV từ NB Duyên Hải - Trà Vinh
6	Nhà máy điện gió Đông Hải 4.	148	2027	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV ĐG Đông Hải 3 - ĐG Đông Thành 1

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
7	Nhà máy điện gió V3-2	250	2027	Xây dựng TBA 220kV ĐG V3-2 và ĐZ 220kV đấu nối Dự án điện gió V3-2; Đấu nối về thanh cái 220kV của trạm 220kV Trà Vinh 3 và một mạch về thanh cái 220kV trạm 220kV ĐG Đông Hải 3
	Tỉnh Sóc Trăng	988		
1	Điện gió Vĩnh Hải 1	400	2030	ĐZ 220kV từ TBA 220kV NMĐG gần bờ Vĩnh Hải đi TBA 220kV Vĩnh Châu (sử dụng hạ tầng đấu nối sẵn có của Dự án Nhà máy điện gió khu vực gần bờ biển xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu - 129MW) .
2	Điện gió Vĩnh Hải 2	270	2030	ĐZ 220kV từ TBA 220kV dự án đấu về TBA 220kV Trần Đề
3	Điện gió Lạc Hòa 3	50	2029	Tận dụng hạ tầng hiện có, mở rộng thanh cái TBA 110kV - NMĐG Lạc Hòa GD1, lắp thêm máy biến áp
4	Điện gió Mỹ Thanh	68	2030	Xây dựng mới TBA 110kV của dự án. Đường dây 110kV mạch kép đấu nối từ trạm biến áp 110kV dự án về trạm biến áp 110kV KCN Mỹ Thanh
5	Điện gió Vĩnh Tân	200	2030	Tận dụng hạ tầng hiện có, mở rộng thanh cái TBA 220kV - Cụm NMĐG Phú Cường Sóc Trăng 1A và 1B, lắp thêm máy biến áp
	Tỉnh An Giang	50		
1	Nhà máy điện gió An Giang 2	50	2025-2030	ĐZ 110kV mạch đơn từ đầu vào TBA 110 kV NMĐG An Giang 1
	Tỉnh Cà Mau	387		
1	Nhà máy điện gió Ngọc Hiền - Viên An	100	2028	ĐZ 110kV mạch kép TBA NMĐG Ngọc Hiền - Viên An - TBA 220kV NMĐG Viên An
2	Nhà máy điện gió Ngọc Hiền - Tam Giang Tây	100	2029	ĐZ 110kV mạch kép TBA NMĐG Ngọc Hiền - Tam Giang Tây - TBA 220kV Cà Mau 3
3	Nhà máy điện gió Ngọc Hiền - Rạch Gốc	60	2027	ĐZ 110kV 1 mạch TBA 110KV NMĐG Ngọc Hiền - Rạch Gốc - TBA 110kV Rạch Gốc
4	Nhà máy điện gió Ngọc Hiền - Đất Mũi	67	2029	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMĐG Ngọc Hiền - Đất Mũi - TBA 220kV NMĐG Viên An
5	Nhà máy điện gió Ngọc Hiền - Tân Ân 1	60	2030	ĐZ 110kV mạch kép TBA NMĐG Ngọc Hiền - Tân Ân 1 - TBA 220kV Cà Mau 3
	Tỉnh Hậu Giang	100		
1	Điện gió Sao Mai 1	100	2027	ĐZ 110 kV mạch đơn đấu nối transit vào ĐZ 110kV Long Mỹ - Hồng Dân
	Tỉnh Kiên Giang	171		
1	Nhà máy điện gió tại huyện Hòn Đất (II)	43	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Rạch Giá 2 - Kiên Bình.

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
2	Nhà máy điện gió Kiên Lương 2	65.6	2025-2030	ĐZ 110kV đấu nối về TBA 110kV của nhà máy điện gió Kiên Lương 1
3	Nhà máy điện gió An Biên, An Minh	62.4	2025-2030	Đấu nối chuyển tiếp vào ĐZ 110kV An Biên - Lại Sơn
	Thành phố Huế	100		
1	Nhà máy điện gió Phong Điền	100	2027-2028	ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV NMĐG Phong Điền đến trạm 220kV Phong Điền
	Tỉnh Khánh Hòa	200		
1	Nhà máy điện gió TDX Khánh Hòa 1	100	2026-2030	ĐZ 220 kV 02 mạch đấu nối từ trạm 220 kV ĐG TDX Khánh Hòa 1 chuyển tiếp trên mạch 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm
2	Nhà máy điện gió EEC Khánh Hòa	100	2026-2030	Đấu nối vào mạch 2 của ĐZ 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm
	Tỉnh Quảng Nam	100		
1	Dự án Điện gió TDX Quảng Nam 1	100	2025-2030	Đường dây 110kV dài 10,5 km đấu từ TBA nâng 22/110kV đấu vào TBA 220kV Tam Kỳ
	Tỉnh Long An	73		
1	Nhà máy năng lượng gió Châu Thành - Giai đoạn 1	73	2030	ĐZ 110kV mạch kép ĐG Châu thành - trạm 110kV Tầm Vu 2
II	Danh mục các dự án được phân bổ tăng thêm, đưa vào vận hành giai đoạn 2031-2035			
	Kon Tum	100		
1	Điện gió Chư Hreng (giai đoạn 2)	100	2035	ĐZ 220kV mạch kép đấu nối vào ngăn lộ 220kV TBA 500kV Kon Rẫy
	Gia Lai	2039,5		
1	NMĐG Ia Phang 1	100	2033	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA nâng áp 22/220kV NMĐG Ia Phang 1 chuyển tiếp trên 01 mạch ĐZ 220kV Chư Sê - Krông Pa
2	NMĐG TNE 3A	49.5	2033	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG TNE 1 để đấu nối NMĐG TNE 3A Bổ sung thêm một mạch trên ĐZ 220 kV Ia Boồng Chu Prong - TBA 500kV Nhơn Hòa
3	NMĐG TNE 5	49.5	2033	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG TNE 1 để đấu nối NMĐG TNE 5
4	NMĐG Ia Rong 1	49.5	2034	Xây dựng TBA nâng áp 33/220kV NMĐG IA RONG 1, công suất 63MVA.

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
				Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối từ TBA 33/220kV NMĐG Ia Rong 1 đến TBA nâng áp 33/220kV NMĐG TNE 1
5	NMĐG Ia Rong 2	49.5	2034	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG Ia Rong 1 để đấu nối NMĐG Ia Rong 2
6	NMĐG Ia Rong 3	49.5	2034	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG Ia Rong 1 để đấu nối NMĐG Ia Rong 3
7	NMĐG Ia Rong 3A	49.5	2034	Lắp mới 01 máy biến áp 33/220kV, quy mô công suất 63MVA tại trạm tăng áp 220kV NMĐG Ia Rong 1 để đấu nối NMĐG Ia Rong 3A
8	NMĐG Ia Ko 3	49.5	2035	Lắp mới 01 MBA 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng 220kV NMĐG Ia Ko 1 để đấu nối NMĐG Ia Ko 3
9	NMĐG Ia Ko 3A	49.5	2035	Lắp mới 01 MBA 33/220kV, công suất 63MVA tại TBA nâng 220kV NMĐG Ia Ko 1 để đấu nối NMĐG Ia Ko 3A
10	NMĐG Xã Trang (GD3)	100	2031	Đấu nối bằng ĐZ 220kV NMĐG Xã Trang - TBA 500kV Pleiku 3
11	NMĐG Bờ Ngoong (GD2)	115	2031	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA nâng áp 220kV NMĐG Bờ Ngoong vào TC 220kV của TBA 500kV Pleiku 2
12	NMĐG Ia Tôr	50	2033	ĐZ 110kV mạch đơn từ TBA nâng 22/110kV NMĐG Ia Tôr vào thanh cái 110kV TBA 220kV NMĐG Thăng Hưng
13	NMĐG Ia Blứ 1 - Chư Puh	50	2035	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhon Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)
14	NMĐG Ia Blứ 2 - Chư Puh	50	2035	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về TBA 500kV Nhon Hòa (trường hợp TBA 500kV Ia Blứ thay đổi giai đoạn đầu tư trước 2030 sẽ đấu nối vào trạm này)
15	NMĐG Ia Boòng - Chư Prông (Giai đoạn 2)	150	2035	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA nâng 22/220kV NMĐG Ia Boòng - Chư Prông (GD2) về thanh cái 220kV trạm 500kV Pleiku 2
16	NMĐG Phước Sơn	50	2031	Đấu nối bằng ĐZ 220kV, mạch đơn từ TBA 35/220kV NMĐG Phước Sơn đến thanh cái 220kV của TBA 220kV NMĐG Phú Mỹ
17	NMĐG Yang Trung 2	49.5	2033	Đấu nối NMĐG Yang Trung 2 bằng ĐZ 220kV mạch đơn đến thanh cái 220kV TBA nâng áp 220kV NMĐG Chơ Long
18	NMĐG H'Bông 1 - Chư Sê	50	2033	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 35/220kV NMĐG H'Bông 1 - Chư

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
				Sê chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Chư Sê - 220kV Krông Pa
19	Cụm dự án NMĐG Mang Yang 3.1, Mang Yang 3.2, Mang Yang 3.3	300	2032	ĐZ 500 kV mạch kép từ TBA 500kV Mang Yang - TBA 500kV Pleiku ĐZ 220 kV từ TBA 220kV Mang Yang 3.3 đến thanh cái 220kV TBA 220kV NMĐG Mang Yang 2
20	Nhà máy Phong điện Gia Lai	49	2031	Đấu nối bằng ĐZ 220kV về trạm 500kV Pleiku 3
21	NMĐG Nam Hàm Rồng	40	2033	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép từ trạm nâng 22/220kV NMĐG Nam Hàm Rồng chuyển tiếp trên ĐZ 220kV NMĐG Ia Boong Chư Prông - 500kV Pleiku 2
22	NMĐG An Thành Gia Lai	40	2032	Đấu nối bằng ĐZ 220 kV NMĐG An Thành Gia Lai sử dụng cột 4 mạch đấu nối transit vào 02 ĐZ 220kV hiện có là Pleiku - ĐSK An Khê và Pleiku 2 - An Khê
23	NMĐG Ia Le 3	50	2031	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch kép đấu nối transit vào mạch hiện hữu ĐZ 220kV Pleiku 2 - Krông Buk
24	NMĐG HE Gia Lai	100	2032	Đấu nối bằng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA 35/110/220kV NMĐG HE Gia Lai (được xây dựng tại vị trí khu vực 04) đến thanh cái 220kV của TBA 220kV Chư Sê
25	NMĐG Tây Hồ - Chư Prông	50	2032	ĐZ 110kV mạch đơn từ NMĐG Tây Hồ - Chư Prông đến TBA 110kV NMĐG Phát triển miền núi
26	NMĐG Đăk Jơ Ta	50	2034	ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV cụm NMĐG Đăk Jơ Ta - Ayun chuyển tiếp trên đường dây 220kV Pleiku 2 - TĐ An Khê.
27	NMĐG Ayun	50	2034	ĐZ 220kV mạch kép từ TBA 220kV cụm NMĐG Đăk Jơ Ta - Ayun chuyển tiếp trên đường dây 220kV Pleiku 2 - TĐ An Khê.
28	Nâng CS Trang trại phong điện HBRE Chư Prông (từ 50 lên 100MW)	50	2031	Lắp đặt thêm 01 MBA 22(35)/110kV-63MVA tại gần máy biếp áp dự phòng TBA 110kV Trang điện Phong điện HBRE Gia Lai hiện có
29	Cụm NMĐG K'Bang A, K'Bang B	100	2034	Xây dựng ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA nâng 35/220kV tại Cụm NMĐG K'Bang A, K'Bang B về TBA 220kV An Khê
	ĐẮC LẮK	945		
1	Nhà máy điện gió Krông Ana 2	160	2031-2035	ĐZ 220kV mạch đơn từ TBA nâng áp 220kV Nhà máy điện gió Krông Ana 1 đấu nối vào TC 220kV TBA 220kV Krông Ana (Cư Kuin)
2	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 3 - Giai đoạn III;	150	2031-2035	Sử dụng hạ tầng truyền tải chung của giai đoạn 2

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
3	Điện gió Thanh Phong, Giai đoạn 2	100	2031-2035	Sử dụng hạ tầng truyền tải chung của giai đoạn 1
4	Nhà máy điện gió E&M Đắc Lắc, Giai đoạn 2	105	2031-2035	Sử dụng hạ tầng truyền tải chung của giai đoạn 1
5	Nhà máy điện gió Thuận Phong 2, Giai đoạn 2	100	2031-2035	Sử dụng hạ tầng truyền tải chung của giai đoạn 1
6	Cụm Nhà máy điện gió GETEC Đắc Lắc	100	2031-2035	Đầu nối về thanh cái 220kV của TBA 220kV điện gió AMI AC Đắc Lắc bằng ĐZ 220kV mạch đơn
7	Nhà máy điện gió AMI AC Đắc Lắc 1	100	2031-2035	ĐZ 220kV bốn mạch từ TBA 220kV của Cụm NMDG AMI AC Đắc Lắc đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Búk - TĐ Sêrêpok 4 và từ trạm 220kV Krông Búk đi trạm 220kV TĐ Buôn Kuốp
8	Điện gió Ea Hleo RWP	80	2031-2035	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp lên ĐZ NMDG Thanh Phong - Pleiku 2
9	Điện gió HLP Ea Hleo 1	50	2031-2035	ĐZ 220kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 220kV Krông Búk - Pleiku 2
	Trà Vinh	400		
1	Dự án Nhà máy điện gió Duyên Hải 3 mở rộng	170	2031	Xây mới TBA 220kV Nhà máy điện gió ven biển Duyên Hải
2	Dự án Nhà máy điện gió Thăng Long (giai đoạn 2)	100	2031	Lắp máy biến áp nâng áp tại NMDG Thăng Long Trà Vinh, đầu chuyển tiếp lên ĐZ NMDG Thăng Long Trà Vinh
3	Dự án Nhà máy điện gió Duyên Hải 2 mở rộng	130	2031	Đầu nối chuyển tiếp lên TBA 220kV Nhà máy điện gió Duyên Hải 2 đầu nối trạm 220kV Duyên Hải
	Cà Mau	942		
1	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Viên An Đông	100	2032	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMDG Ngọc Hiển - Viên An Đông đầu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 110kV NMDG Viên An Đông - NMDG An Đông 1
2	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tân Ân 2	150	2032	ĐZ 110kV mạch kép NMDG Ngọc Hiển Tân Ân 2 - TBA 220kV Cà Mau 3
3	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tân Ân 3	142	2033	ĐZ 110kV mạch kép NMDG Ngọc Hiển - Tân Ân 3 - TBA 220kV Cà Mau 3
4	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Tam Giang Tây 1	200	2032	ĐZ 110kV mạch kép NMDG Ngọc Hiển - Tam Giang Tây 1 - TBA 220kV Cà Mau 3
5	Nhà máy điện gió Năm Căn - Tam Giang Đông	100	2034	ĐZ 110kV mạch kép NMDG Năm Căn - Tam Giang Đông - TBA 220kV Cà Mau 3
6	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Đất Mũi 1	50	2031	ĐZ 110kV mạch kép TBA NMDG Ngọc Hiển - Đất Mũi 1 - TBA 110kV NMDG Ngọc Hiển - Đất Mũi
7	Nhà máy điện gió Ngọc Hiển - Khai Long 4	100	2035	ĐZ 110kV mạch kép NMDG Ngọc Hiển - Khai Long 4 đầu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ NMDG Ngọc Hiển - Đất Mũi - TBA 220kV NMDG Viên An

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối
8	Nhà máy điện gió Trần Văn Thời - Phong Điền	50	2031	ĐZ 110kV mạch kép TBA 110kV NMĐG Trần Văn Thời - Phong Điền - TBA 110kV Sông Đốc
9	Nhà máy điện gió U Minh - Khánh Tiến	50	2032	ĐZ 110kV mạch kép NMĐG U Minh - Khánh Tiến - TBA 110kV U Minh
	Bạc Liêu	351		
1	Nhà máy điện gió Hòa Bình 9	200	2025-2030	Đường dây 220 kV đấu nối từ NMĐG Hòa Bình 9 vào TBA 220 kV Hòa Bình
2	Nhà máy điện gió Hòa Bình - Đông Hải 1 (giai đoạn 1)	151	2025-2030	Đường dây 220 kV đấu nối từ NMĐG Hòa Bình - Đông Hải 1 vào TBA 220 kV Hòa Bình 9
	Tiền Giang	226		
1	Điện gió Tân Thành 2	226	2031-2035	XDM ĐZ 220 kV đấu nối về TBA 220 kV Gò Công

Ghi chú:

-Tiến độ vận hành lưới điện đấu nối đồng bộ với tiến độ nguồn điện.

Bảng 14: Danh mục các dự án điện mặt trời tập trung

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh An Giang	80				
1	Nhà máy điện mặt trời An Cư	40	2025-2030		Chưa có phương án đấu nối	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Nhà máy điện mặt trời An Giang	80	2025-2030		Chưa có phương án đấu nối	
	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	50				
1	Dự án điện mặt trời Phú Mỹ	50	2025-2030		Đường dây 110 kV đấu nối vào trạm biến áp 110kV hiện hữu	
	Tỉnh Bắc Giang	100				
1	Nhà máy điện mặt trời Yên Thế	50	2030		Đường dây 110kV mạch đơn đấu nối thanh cái 110kV mở rộng của TBA 110kV Cầu Gò	
2	Điện mặt trời hồ Đá Ong và hồ Cầu Rễ	50	2030		Đường dây 110kV mạch đơn đấu nối thanh cái 110kV TBA 110kV Cầu Gò	
	Tỉnh Bạc Liêu	50				
1	Nhà máy điện mặt trời kết hợp hệ thống pin lưu trữ An Phúc Đông Hải	50	2025-2030		Đường 110kV mạch kép đấu nối từ TBA nhà máy điện mặt trời kết hợp hệ thống pin lưu trữ An Phúc Đông Hải vào ngăn lộ 110kV trạm 220kV Giá Rai.	
	Tỉnh Bến Tre	50				
1	NMĐMT Bến Tre	50	2025-2030		110 kV NMĐMT Bến Tre - 220 kV Bình Đại	
	Tỉnh Bình Định	500				
1	Nhà máy điện mặt trời Hoài Đức	50	2027-2028		XDMĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời Hoài Đức đến đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hoài Nhơn - Phù Mỹ	
2	Nhà máy điện mặt trời Hoài Thanh	60	2027-2028		Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời Hoài Thanh đến đầu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Hoài Nhơn - Tam Quan	
3	Nhà máy điện mặt trời hồ Núi Một	100	2028-2029		Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp Nhà máy điện mặt trời hồ Núi Một đến đầu vào thanh cái 110kV của trạm biến áp 110kV Nhơn Tân hiện hữu	
4	Nhà máy điện mặt trời KCN Phù Mỹ 1	100	2027-2028		Đấu nối cấp 35kV hoặc 22kV về TBA 220kV Phù Mỹ 2 (đặt tại KCN Phù Mỹ)	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
5	Nhà máy điện mặt trời KCN Phù Mỹ 2	100	2027-2028		Đấu nối cáp 35kV hoặc 22kV về TBA 220kV Phù Mỹ 2 (đặt tại KCN Phù Mỹ)	
6	Nhà máy điện mặt trời Bình An 1	90	2027-2028		Đấu nối cáp 35kV hoặc 22kV về TBA 220kV Phù Mỹ 2 (đặt tại KCN Phù Mỹ)	
	Tỉnh Bình Dương		50	1200		
1	KCN Bàu Bàng Mở Rộng	50	2025-2030		Đường dây 22 kV mạch kép	
2	KCN Cây Trường	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
3	KCN Bàu Bàng 4	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
4	KCN Bàu Bàng 5	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
5	KCN Dầu Tiếng 1A	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
6	KCN Dầu Tiếng 4	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
7	KCN Dầu Tiếng 5	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
8	KCN Bắc Tân Uyên 4	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
9	KCN Bắc Tân Uyên 5	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
10	KCN Phú Giáo 3	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
11	KCN Phú Giáo 1	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
12	KCN Bình Dương Riverside ISC	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
13	KCN Tân Uyên 3	50		2031-2035	Đường dây 22 kV mạch kép	
14	NMĐMT Long Tân	600		2031 -2035	- Xây dựng TBA 220kV NMĐMT Long Tân - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đầu nối vào KCN Dầu Tiếng 1A. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đầu nối vào KCN Dầu Tiếng 4. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đầu nối vào CCN An Lập, An Lập 2, An Lập 3. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đầu nối vào CCN Long Tân. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đầu nối vào CCN Long Hòa 1, 2. - Xây dựng đường dây 220kV một mạch từ NMĐMT Long Tân đến đầu nối vào CCN Thanh An 1, 2, 3.	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
	Tỉnh Bình Phước	708,4			
1	ĐMT MT1	24	2025-2030	Đấu nối về Trạm 110 kV Hoa Lư (hoặc Trạm cắt liên kề TBA 110 kV Hoa Lư)	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT MT2	24	2025-2030	Đấu nối vào TC 110 kV TBA NMDMT MT1	
3	ĐMT Lộc Thạnh 1-1	40	2025-2030	Đấu nối ở cấp điện áp 110 kV về TBA 110 kV Hoa Lư	
4	ĐMT Hải Lý Bình Phước 1	40	2025-2030	Đấu nối về Trạm cắt 220 kV Lộc Tấn	
5	Nhà máy điện mặt trời nổi trên hồ thủy điện Srok Phu Miêng (150MWp)	120	2025-2030	Đường dây 110 kV đấu nối gần lộ 110 kV tại trạm 220 kV Bình Long 2	
6	Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ giai đoạn 2 (100MWp)	80	2025-2030	Đấu nối vào ĐZ 22kV mạch kép của nhà máy ĐMT Thác Mơ hiện hữu và ĐZ 220kV Bình Long 2 - 500kV Đăk Nông	
7	Nhà máy điện mặt trời Phước Hòa (76MWp)	60,4	2025-2030	Đấu nối vào gần lộ 220kV tại TBA 500kV Chơn Thành	
8	Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ 2 (150MWp)	120	2025-2030	Đấu nối vào ĐZ 220kV Đông Bình Phước - rẽ Bình Long - rẽ điện phân nhôm	
9	Nhà máy ĐMT nổi Asia Thác Mơ (ĐMT nổi Thác Mơ 5) 200MWp	160	2025-2030	Xây dựng TBA 220kV Đông Bình Phước, công suất 200+300MVA (01 MBA 300MVA cho dự án Nhà máy ĐMT nổi Asia Thác Mơ 2); Xây dựng ĐZ 220kV 4 mạch từ TBA 220kV Đông Bình Phước chuyển tiếp trên 2 mạch tuyến ĐZ 220kV Bình Long - Điện phân nhôm Đăk Nông.	
10	Nhà máy điện mặt trời Minh Tâm (50MWp)	40	2025-2030	Đấu nối vào gần lộ tại thanh cái 220kV của TBA 500kV Chơn Thành	
11	Nhà máy điện mặt trời Phước Hòa (174MWp)	139,2	2031-2035	Đấu nối vào gần lộ 220kV tại TBA 500KV Chơn Thành	
12	Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ giai đoạn 2 (275MWp)	220	2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Bình Long 2 - 500kV Đăk Nông	
13	Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ 1 (200MWp)	160	2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Đông Bình Phước - rẽ Bình Long - rẽ điện phân nhôm	
14	Nhà máy ĐMT nổi Asia Thác Mơ 2 (ĐMT nổi Thác Mơ 6) 300MWp	240	2031-2035	Xây dựng TBA 220kV Đông Bình Phước, công suất 200+300MVA (01 MBA 300MVA cho dự án NMDMT nổi Asia Thác Mơ 2); Xây dựng ĐZ 220kV 4 mạch từ TBA 220kV Đông Bình Phước chuyển tiếp trên 2 mạch tuyến ĐZ 220kV Bình Long	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành	Phương án đấu nối	Ghi chú
				- Điện phân nhôm Đắk Nông	
15	Tổ hợp nhà máy điện mặt trời nổi Thác Mơ Bình Phước (400MWp)	320	2031-2035	Đấu nối chuyển tiếp ĐZ 220kV Bình Long 2 - 500kV Đắk Nông	
16	Nhà máy điện mặt trời nổi Cần Đơn (350MWp)	280	2031-2035	Xây dựng trạm nâng áp 110kV NMĐMT nổi hồ TD Cần Đơn, công suất 1x63MVA. Xây dựng ĐZ 110kV mạch kép từ trạm nâng áp 110kV NMĐMT nổi hồ TD Cần Đơn đấu nối chuyển tiếp trên ĐZ 110kV Bù Đốp - TD Cần Đơn	
17	Nhà máy điện mặt trời hồ Srok Phu Miêng (GD 2) (125MWp)	100	2031-2035	Đấu nối vào ngăn lộ 220kV tại trạm 220kV Phước Long	
18	Dự án điện mặt trời Minh Tâm (300MWp)	240	2031-2035	Đấu nối vào ngăn lộ tại thanh cái 220kV của TBA 500kV Chơn Thành	
19	Nhà máy điện mặt trời Lộc Ninh 6,7,9,10,11,12 (1,000MWp)	800	2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
20	Nhà máy điện mặt trời Tân Hưng 1 (55MWp)	44	2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
21	Nhà máy điện mặt trời Tân Hưng 2 (55MWp)	44	2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
22	Nhà máy điện mặt trời Lộc Thiện (500MWp)	395	2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
23	Nhà máy điện mặt trời Hải Lý Bình Phước 2 (180MWp)	144	2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
24	Nhà máy điện mặt trời Gianty Alpha Group 1 (50MWp)	40	2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
25	Nhà máy điện mặt trời Gelex 2 (210MWp)	165	2031-2035	Đấu nối vào máy biến áp AT2 của trạm nâng áp 22/220kV ĐMT Gelex Bình Phước 1	
26	Nhà máy điện mặt trời Tân Long (40MWp)	32	2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
27	Nhà máy điện mặt trời Khang Nam Solar (90MWp)	72	2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
28	Nhà máy điện mặt trời Ninh Phước (100MWp)	80	2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
29	Nhà máy điện mặt trời Fecon	39	2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
	(48,8MWp)					
30	Nhà máy điện mặt trời 50MWp Lộc Ninh	40		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
31	Nhà máy điện mặt trời Nậm La (100MWp)	80		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
32	Nhà máy điện mặt trời An Khang Bình Phước (100MWp)	80		2031-2035	Đấu nối vào ĐZ 220kV Lộc Ninh - Bình Long 2	
	Tỉnh Bình Thuận		524	266		
1	Dự án Nhà máy điện mặt trời Sông Bình	200	2029		- ĐZ 110 kV từ nhà máy đấu nối vào ĐZ 110 kV thủy điện Đại Ninh - Phan Rí. - Trường hợp phương án đấu nối nêu trên không thực hiện được hoặc không phù hợp với thực tế lưới điện, xem xét điều chỉnh phương án đấu nối bổ sung trạm 220 kV Sông Bình và ĐZ 220 kV đấu nối vào ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết.	Tháo gỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	Dự án NMD mặt trời Hồng Liêm 6.1	40	2028		ĐZ 110 kV đấu nối vào TBA ĐMT Hồng Liêm 3	
3	Dự án NMD mặt trời Tân Xuân	23,61	2028		ĐZ 110 kV đấu nối vào TC 110 kV TBA 220 kV Hàm Tân	
4	Dự án điện mặt trời Đa Mi giai đoạn 2	70	2029		Sử dụng hệ thống truyền tải của NMTĐ Đa Mi (hiện hữu)	
5	Dự án điện mặt trời Hàm Thuận giai đoạn 1	100	2029		Sử dụng hệ thống truyền tải của NMTĐ Hàm Thuận (hiện hữu)	
6	Dự án nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 7/Tích hợp pin lưu trữ	40	2028		ĐZ 220kV mạch kép đấu nối chuyển tiếp trên 1 mạch ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Phan Thiết; TBA 22/220kV	Pin lưu trữ có công suất 50MW/150MWh
7	Dự án Nhà máy điện mặt trời Vĩnh Hào 6.2	110	2027		Xây mới TBA 22/110kV VH6.2; Xây mới ĐZ 110kV VH6.2 - trạm cắt VH6; Xây mới TBA 110/220kV tại trạm cắt 110kV VH6; Xây mới ĐZ 220kV VH6 - Transit 1 mạch ĐZ 220kV Vĩnh Tân - Phan Rí	
8	Dự án Nhà máy điện mặt trời Hồng Phong 7.2 / Tích hợp pin lưu trữ	24	2028		Lắp đặt bổ sung 01 máy biến áp 22/220kV tại TBA 220kV NM ĐMT Hồng Phong 7	Pin lưu trữ có công suất

TT	Dự án	Công suất dự kiến (MW)	Năm vận hành		Phương án đấu nối	Ghi chú
						20MW/60MWh
9	Dự án Nhà máy điện mặt trời Sông Bình 4 (giai đoạn 1)	130	2030		Đề xuất phương án đấu nối vào TBA 220 kV Sông Bình đấu nối vào ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết.	
10	Dự án Nhà máy điện mặt trời Tân Đức 1	50	2028		Đấu nối vào ĐZ 110 kV Hàm Tân 2 - Tân Đức	
11	Dự án điện mặt trời Hàm Thuận giai đoạn 2	126		2032	Sử dụng hệ thống truyền tải của NMTĐ Hàm Thuận (hiện hữu)	
12	Dự án điện mặt trời Đa Mi giai đoạn 3	30		2032	Sử dụng hệ thống truyền tải của NMTĐ Đa Mi (hiện hữu)	
13	Dự án Nhà máy điện mặt trời Sông Bình 4 (giai đoạn 2)	70		2033	Đấu nối vào TBA 220 kV Sông Bình đấu nối vào ĐZ 220 kV Vĩnh Tân - Phan Thiết.	
	Tỉnh Cà Mau					
1	Nhà máy điện mặt trời Ngọc Hiển	50	2027		ĐZ 110kV mạch kép NMTĐMT Ngọc Hiển - 220kV Năm Căn; mở rộng ngăn lộ 110kV TBA 220kV Năm Căn	
	Thành phố Đà Nẵng					
1	Dự án Nhà máy điện mặt trời tại Hòa Vang	50	2026-2030		ĐZ 110 kV mạch kép đấu nối transit vào ĐZ 110 kV, xuất tuyến 171 TBA Cầu Đỏ - xuất tuyến 171 TBA 500 Đà Nẵng	
	Tỉnh Đắk Lắk			4907		
1	ĐMT KN Srépók 3	304	2025-2027		Xây mới ĐZ 500kV mạch kép đấu chuyển tiếp trên ĐZ 500kV Pleiku 2 - Chơn Thành	Tháo dỡ theo Nghị quyết 233/NQ-CP
2	ĐMT Ea Súp 1	40	2025-2027		XDMĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào thanh cái TBA 110kV Cư M'gar	
3	ĐMT Ia Lốp 1	40	2025-2027		XDMĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào phía thanh cái 110kV của TBA 500kV NMTĐMT Xuân Thiện - Ea Súp	
4	Nhà máy ĐMT trên hồ thủy điện Srépók 3	50	2028		Xây dựng mới ĐZ 220kV mạch đơn đấu nối vào TBA 220kV NMTĐ Srépók 3 (hiện hữu)	
5	Nhà máy ĐMT trên hồ thủy điện Buôn Kuốp	50	2028		XDMĐZ 110kV mạch đơn đấu nối vào Trạm 110/220kV NMTĐ Buôn Kuốp (hiện hữu)	